

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ LOGISTICS VÀ DỊCH VỤ THÔNG QUAN HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

1.1. Tổng quan về logistics

1.1.1. Khái niệm về logistics

Có rất nhiều khái niệm cho thuật ngữ logistics:

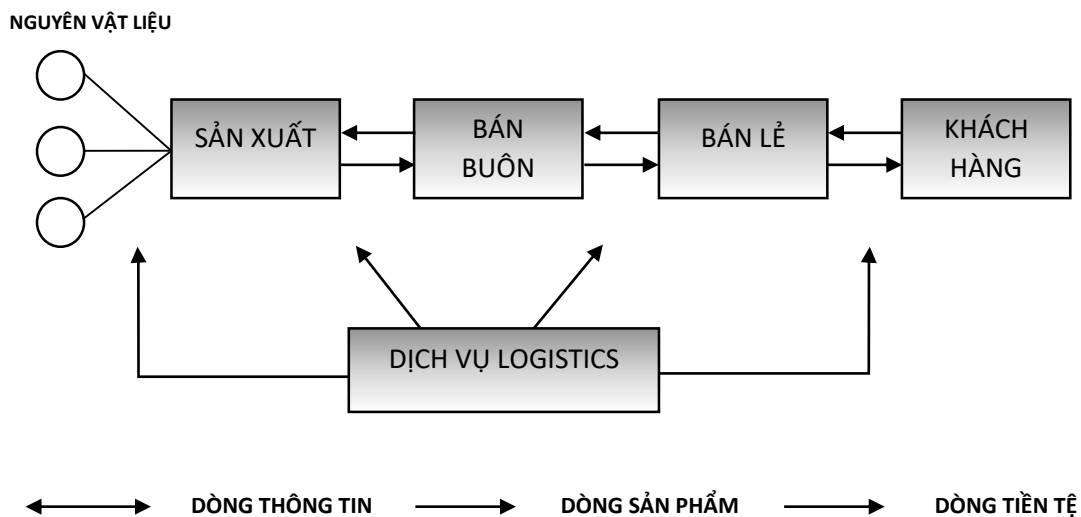
Logistics là quá trình lập và thực hiện kế hoạch, kiểm soát hiệu quả, tiết kiệm chi phí của toàn bộ quá trình vận chuyển và lưu kho những hàng hóa là những nguyên liệu thô, hàng hóa thành phẩm và những thông tin liên quan từ khâu thu mua nguyên vật liệu đến khi được tiêu dùng nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. (Theo LAC - Hội đồng quản trị Logistics Hoa Kỳ)

Theo sách Giáo trình Logistics and Supply Chain Management của Trường Đại học Hàng hải Thế giới, 1999: Logistics là quá trình tối ưu hóa vị trí, lưu trữ và vận chuyển các tài nguyên hoặc các yếu tố đầu vào. Quá trình này bắt đầu từ điểm xuất phát là nhà cung ứng, đi thông qua các bước của nhà sản xuất, người bán buôn, bán lẻ và cuối cùng là tay người tiêu dùng thông qua một chuỗi xuyên suốt các hoạt động kinh tế.

Trong kinh doanh, logistics có thể hiểu là sự tập trung nguồn lực từ bên trong lẫn bên ngoài, từ nhà sản xuất cho đến đích đến là người tiêu dùng cuối cùng. Ba mảng chính của logistics bao gồm: kho bãi, giao nhận và vận chuyển. Cụ thể là quản lý hàng tồn, giao nhận, vận chuyển hàng hóa và nhận tiền theo đơn đặt hàng và phân phối hàng hóa đến các đại lý... Những công việc này đòi hỏi phải lập kế hoạch tốt, yếu tố linh hoạt, nhạy bén về kinh doanh và điều phối hiệu quả.

Theo điều 233 luật thương mại 2005: Dịch vụ logistics là hoạt động thương mại, trong đó thương nhân tổ chức một hay nhiều hoạt động bao gồm giao nhận hàng hóa, lưu kho, lưu bãi, bao bì, đóng gói, ghi ký mã hiệu, làm thủ tục hải quan và các giấy tờ thủ tục khác, tư vấn khách hàng hoặc các dịch vụ liên quan khác

theo nhu cầu của khách hàng mà ở đó nhà cung cấp dịch vụ logistics có thể thực hiện được để hưởng mức lợi nhuận.



Sơ đồ 1-1: Vị trí của dịch vụ logistics trong chuỗi cung ứng

1.1.2. Sự hình thành và phát triển của logistics

Thuật ngữ logistics ban đầu được sử dụng trong quân đội, chỉ việc vận chuyển và phân phối các trang thiết bị, lương thực, thực phẩm... đúng lúc đúng nơi cho lực lượng chiến đấu với nghĩa tiếng Việt là “hậu cần”. Vai trò của logistics càng được khẳng định khi bắt đầu nổ ra chiến tranh thế giới thứ hai, thời điểm chiến tranh bùng nổ đồng thời tạo ra những phát minh lớn cho nhân loại như Radar, bom nguyên tử và nhiều ứng dụng công nghệ khác được ứng dụng, và mở rộng phát triển cho đến ngày nay.

Các giai đoạn hình thành và phát triển của logistics:

Giai đoạn 1 – Logistics tại chỗ: Xuất hiện từ thời điểm bùng nổ chiến tranh thế giới thứ hai với mục đích hợp lý hóa các hoạt động đơn lẻ của cá nhân hay dây chuyền sản xuất, lắp ráp. Đúng với tên gọi, dòng vận động nguyên vật liệu tại chỗ ở ngay một vị trí làm việc.

Giai đoạn 2 – Logistics cơ sở sản xuất: Bắt đầu vào những năm 50 của thế kỷ 20. Để đảm bảo đầu vào nguyên vật liệu và quá trình sản xuất diễn ra ổn định, các hoạt động logistics được thực hiện trong cơ sở sản xuất.

Giai đoạn 3 – Logistics công ty: Là quá trình vận chuyển nguyên vật liệu giữa các cơ sở và sản xuất các công ty. Như là giữa các nhà máy và kho hàng hay các tổng đại lý với các nhà bán lẻ. Logistics công ty ra đời vào những năm 1970 và sau đó chính thức được áp dụng vào trong kinh doanh.

Giai đoạn 4 – Logistics chuỗi cung ứng: Các hoạt động logistics được kết nối với nhau trong một chuỗi thống nhất giữa các doanh nghiệp từ những năm 1980. Đặc biệt trong chuỗi, tính tương tác và sự liên kết giữa các thành viên trong chuỗi được thể hiện qua các dòng liên kết: Dòng thông tin, dòng sản phẩm và dòng tài chính.

Trong chuỗi cung ứng, bao gồm cả việc hoạch định và tổ chức. Thực tế, ở mỗi quốc gia, mỗi khu vực đều có những đặc điểm riêng biệt. Tuy nhiên, tất cả mọi hoạt động đều hướng đến một mục tiêu duy nhất là phục vụ tối đa khách hàng với chi phí thấp nhất.

Giai đoạn 5 – Logistics toàn cầu: Là dòng vận động tiền tệ, thông tin và nguyên vật liệu giữa các quốc gia với nhau. Nó là sự kết nối giữa các nhà cung cấp với khách hàng của họ trên toàn thế giới.

Giai đoạn 6 – Logistics thế hệ sau: Chỉ ra sự mô tả về hướng phát triển của logistics trong tương lai. Có nhiều quan điểm khác nhau về hướng phát triển của ngành. Có một số quan điểm, logistics hợp tác sẽ là giai đoạn kế tiếp của lịch sử phát triển logistics. Cũng có những ý kiến cho rằng thương mại điện tử mới là giai đoạn tiếp theo. Nhưng tóm lại, logistics sẽ không ngừng phát triển và đóng một vai trò quan trọng trong việc duy trì và phát triển của các doanh nghiệp. (Yến, B. (2023, April 17). Cùng TÌM Hiểu Lịch sử Hình Thành và Phát triển logistic)

1.1.3. Đặc điểm của logistics

Logistics hỗ trợ các hoạt động kinh tế toàn cầu, chẳng hạn như cung ứng nguyên vật liệu, sản xuất sản phẩm và lưu thông hàng hóa, góp phần mở rộng thị trường cho các hoạt động kinh doanh quốc tế. Song song với sự tiến bộ của khoa

học kỹ thuật, logistics được các nhà quản lý xem như một công cụ, phương tiện kết nối các lĩnh vực khác nhau trên thị trường, đặc biệt là thị trường mở của các nước đang và chậm phát triển. Logistics giúp cho các hoạt động của doanh nghiệp trở nên hữu ích về địa điểm và thời gian.

Logistics đóng một vai trò quan trọng trong việc tối ưu hóa quy trình sản xuất trong hoạt động kinh doanh, bắt đầu từ khâu nguyên vật liệu đầu vào cho đến khi sản phẩm cuối cùng đến tay người dùng. Các vấn đề về khủng hoảng năng lượng, cơ hội vốn vì lãi suất ngân hàng cao, duy trì hàng tồn nên các nhà quản lý buộc phải quan tâm đến vấn đề về cắt giảm chi phí. Do đó, muốn tối ưu hóa quy trình sản xuất phải cắt giảm chi phí không chỉ trong quy trình sản xuất mà cả trong các khía cạnh khác như vận chuyển, lưu kho và phân phối hàng hóa đến các điểm tiêu thụ. Hệ thống logistics tiên tiến áp dụng công nghệ thông tin hiện đại có thể giải quyết những vấn đề này.

Logistics hỗ trợ các nhà quản lý ra quyết định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình với mục tiêu hướng đến là lợi nhuận. Muốn đạt được mục tiêu lợi nhuận phải đưa ra những đưa ra những phương án sản xuất kinh doanh tối ưu để có thể đạt được lợi nhuận như kỳ vọng. Tuy nhiên, các nhà quản lý phải đối mặt không ít vấn đề khách quan lẫn chủ quan trong quá trình thực hiện, vì vậy họ cần đưa ra quyết định chính xác có cơ sở. Đảm bảo các yếu tố, nơi cung ứng nguồn nguyên vật liệu, thời gian, phương tiện vận chuyển, địa điểm lưu kho... Logistics là một phần quan trọng để giải quyết các vấn đề trên một cách hiệu quả giảm thiểu tối đa chi phí đảm bảo sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả.

Bên cạnh đó, logistics đóng vai trò quan trọng trong việc sửa đổi và hoàn thiện dịch vụ giao nhận, đảm bảo đúng thời gian và địa điểm (just in time). Sự vận động của hàng hóa trở nên phong phú và phức tạp hơn do quá trình toàn cầu hóa kinh tế, gây ra yêu cầu về đổi mới dịch vụ giao nhận vận tải.

Để tránh tình trạng đọng vốn, các doanh nghiệp phải tìm giải pháp để duy trì lượng hàng hóa tối thiểu trong kho. Đó Là nguyên nhân cả quá trình vận chuyển và phân phối đều phải đảm bảo đúng yếu tố just in time, Đồng thời tăng cường vận chuyển với mục tiêu không có hàng tồn kho. Để đáp ứng mục tiêu này,

giao nhận vận tải phải nhanh và nắm bắt thông tin kịp thời chính xác, có sự đồng nhất toàn bộ quá trình giao nhận. Mặt khác, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin đã cho phép kết hợp các quá trình từ khâu cung ứng nguyên vật liệu, sản xuất sản phẩm, lưu kho hàng hóa và phân phối ra thị trường với hoạt động giao nhận có hiệu quả hơn, nhanh hơn và phức tạp hơn. Cùng phát triển các dịch vụ truyền thống giúp người giao nhận vận tải càng có khả năng đáp ứng nhu cầu và mở rộng thị trường.

Ngoài dịch vụ giao nhận vận tải, logistics cho phép các nhà cung cấp dịch vụ vận tải đa dạng các dịch vụ hơn. Logistics kết hợp các hoạt động và các khâu trong quá trình lưu chuyển hàng hóa qua các giai đoạn cung ứng – sản xuất – lưu thông hàng hóa. Do đó, các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ giao nhận không chỉ đơn giản là vận chuyển, mà họ còn tham gia cùng với nhà sản xuất đảm nhận thêm các quá trình liên quan khác như: sắp xếp, đóng gói, gom hàng, cung cấp kho hàng, lưu trữ, bảo quản hàng hóa, xử lý thông tin dữ liệu... thậm chí là cả những hoạt động chuyên sâu khác của quy trình sản xuất.

Giao nhận vận tải thuần túy đã dần trở thành một phần quan trọng trong chuỗi mắt xích cung ứng toàn cầu và tổ chức để quản lý toàn bộ dây chuyền phân phối vật chất. Xu hướng này đòi hỏi sự phối hợp giữa vận tải đa phương thức, kiểm soát thông tin trong chuỗi, luồng hàng hóa. Khi tối ưu hóa quá trình này, có thể giải quyết các vấn đề như đảm bảo lợi ích chung, đảm bảo lợi nhuận cho các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải. (Luận văn Đại học Thăng Long – Giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ logistics tại doanh nghiệp tư nhân 668)

1.1.4. Phân loại các hình thức của logistics

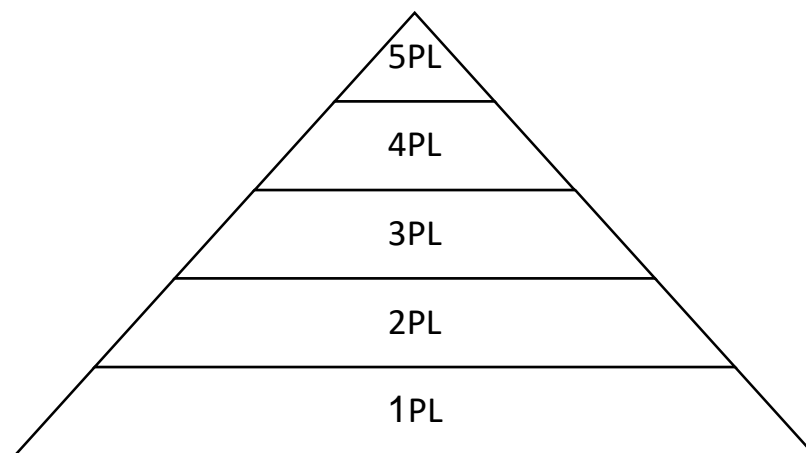
Ngày nay, logistics đã mở rộng xu hướng phát triển ra nhiều lĩnh vực và phạm vi khác nhau, dưới đây là một số hình thức phân loại:

- a. Theo phạm vi và tầm quan trọng:
 - Logistics kinh doanh (Business logistics): Là các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng hoạt động logistics trong chuỗi. Các hoạt động logistics tại đây có chức năng giúp cho các quá trình kinh doanh căn bản của doanh nghiệp

đạt được mục tiêu như chức năng tài chính, nhân sự hay marketing, chính vì vậy hoạt động logistics không phải là hoạt động cốt lõi của công ty.

- Logistics dịch vụ (Service logistics): Là các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh cung cấp dịch vụ logistics, các dịch vụ logistics này có thể là đơn lẻ hoặc tích hợp. Các doanh nghiệp sẽ tiếp nhận yêu cầu sử dụng dịch vụ từ khách hàng, sau đó lập kế hoạch và tiến hành thực hiện dựa trên nguồn lực của mình hoặc đi thuê để đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Được gọi là những nhà cung cấp dịch vụ logistics (LSP – Logistics Service Providers).
- Logistics quân đội (Military logistics): Là khả năng thiết kế và phối hợp các nguồn lực, trang thiết bị, phương tiện hỗ trợ chiến tranh hay đảm bảo sự vững mạnh cho lực lượng quân đội của mỗi quốc gia. Lên kế hoạch sẵn sàng, chính xác và tối ưu hiệu quả cho hoạt động này.
- Logistics sự kiện (Event logistics): Là tổ hợp các hoạt động sử dụng các phương tiện, kỹ thuật, con người để tổ chức, sắp xếp, sử dụng các nguồn lực để xây dựng một sự kiện nhằm diễn ra và kết thúc đạt hiệu quả tốt nhất.

b. Theo vị trí các bên tham gia:



Sơ đồ 2-2: Các bên Logistics

- Logistics bên thứ nhất (1PL – First Party Logistics): Chủ hàng hóa tự tổ chức, thực hiện hoạt động logistics để tự đáp ứng nhu cầu vận tải của mình. Các doanh nghiệp này có thể sở hữu nhà xưởng, phương vận tải, thiết bị xếp dỡ hoặc các nguồn lực khác để thực hiện hoạt động logistics cho mình.

- Logistics bên thứ hai (2PL – Second Party Logistics): Là dịch vụ logistics đơn lẻ được cung cấp bởi bên cung cấp dịch vụ để thay mặt các chủ hàng tổ chức thực hiện hoạt động logistics đáp ứng nhu cầu của họ. Các dịch vụ như là vận tải, kho vận, thanh toán, thủ tục hải quan,...
 - Logistics bên thứ ba (3PL – Third Party Logistics): Là dịch vụ logistics tích hợp được cung cấp bởi bên cung cấp dịch vụ để thay mặt chủ hàng tổ chức, thực hiện và quản lý các hoạt động logistics. Có khả năng quản lý dòng vận động của nguyên vật liệu, hàng hóa, thông tin giúp khách hàng kiểm soát hiệu quả một phần hoặc cả chuỗi cung ứng. Họ là các tổ chức làm dịch vụ giao nhận vận tải, kho vận, chuyên phát nhanh,... cung cấp dịch vụ logistics tích hợp theo yêu cầu chi tiết để thỏa mãn nhu cầu tối ưu của khách hàng.
 - Logistics bên thứ tư (4PL – Fourth Party Logistics): Còn được gọi là logistics chuỗi cung ứng hoặc nhà cung cấp logistics chủ đạo (LPL). Để xây dựng và vận hành các giải pháp chuỗi cung ứng, tổ chức này hợp nhất các nguồn lực và cơ sở vật chất khoa học kỹ thuật của mình với các tổ chức khác. Nó quản lý và thực hiện những hoạt động phức tạp, chẳng hạn như quản lý nguồn lực, trung tâm điều phối kiểm soát, cung cấp các giải pháp chuỗi cung ứng, tư vấn logistics. 4PL như một trung tâm liên lạc, nơi quản lý và tổng hợp các nguồn lực, kiểm soát các hoạt động của 3PL.
 - Logistics bên thứ năm (5PL – Fifth Party Logistics): Đây là loại hình dịch vụ logistics phát triển dựa trên nền tảng thương mại điện tử, quản lý tất cả các 3PL, cả 4PL và các bên liên quan khác trong chuỗi cung ứng. Hệ thống quản lý đơn hàng (OMS), hệ thống quản lý kho hàng (WMS), hệ thống quản lý vận tải (TMS), cả 3 hệ thống là chìa khóa thành công của 5PL, có mối quan hệ chặt chẽ và thống nhất với nhau dựa trên nền tảng công nghệ thông tin.
- c. Theo quá trình nghiệp vụ:
- Quá trình mua hàng (Procurement logistics): Bao gồm các hoạt động liên quan đến việc tìm kiếm sản phẩm và nguyên vật liệu từ các nhà cung ứng. Mục tiêu chung là hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện các hoạt động thu mua hàng với chi phí thấp một cách tối ưu nhất.

- Quá trình hỗ trợ sản xuất (Manufacturing support): Là quá trình tập trung vào hoạt động quản trị dòng dự trữ giữa các bước trong quy trình sản xuất một cách hiệu quả. Logistics hỗ trợ sản xuất giải đáp các thắc mắc như sản xuất cái gì, khi nào sản xuất và sản phẩm sẽ được tạo ra ở đâu.
- Quá trình phân phối hàng hóa (Market distribution): Gồm các nỗ lực cung cấp hàng hóa và các dịch vụ khách hàng dựa trên mục tiêu cơ bản nhất là tạo ra dòng doanh thu thông qua việc đáp ứng mức độ dịch vụ khách hàng kỳ vọng có tính chiến lược với chi phí hợp lý.

d. Theo hướng vận động vật chất:

- Logistics đầu vào (Inbound logistics): Chỉ toàn bộ các quá trình hỗ trợ dòng nguyên vật liệu đầu vào từ các nhà cung ứng trực tiếp tới doanh nghiệp sản xuất hoặc khâu sản xuất. Theo quan điểm chuỗi cung ứng bộ phận này còn gọi là kênh cung ứng vật chất (Physical supply channel) chỉ các hoạt động liên quan đến việc thu hẹp khoảng cách về không gian và thời gian giữa các nhà cung ứng nguyên, nhiên, vật liệu trực tiếp với các cơ sở logistics của các doanh nghiệp.
- Logistics đầu ra (Outbound logistics): Chỉ toàn bộ các hoạt động hỗ trợ dòng sản phẩm đầu ra đến tay khách hàng của doanh nghiệp hoặc người tiêu dùng cuối cùng, đồng thời cũng liên quan đến việc thu hẹp khoảng cách về không gian và thời gian giữa các cơ sở logistics của doanh nghiệp với khách hàng hay người tiêu dùng cuối cùng, bộ phận này còn được gọi là kênh phân phối vật chất (Physical distribution channel).
- Logistics ngược (Logistics reserve): Chỉ dòng hoạt động logistics di chuyển ngược chiều trong chuỗi cung ứng nhằm thu hồi các sản phẩm, hàng hóa hư hỏng, kém chất lượng, dòng chu chuyển của bao bì.

e. Theo đối tượng hàng hóa:

Các hoạt động logistics tại doanh nghiệp bị tác động đáng kể và phụ thuộc vào đặc điểm vật chất của các loại sản phẩm. Chính vì vậy, hoạt động logistics đòi hỏi phải khác nhau so với các sản phẩm có tính chất, đặc điểm khác nhau. Điều này cho phép các ngành hàng khác nhau có thể thiết lập các chương trình,

hoạt động đầu tư, hiện đại hóa hoạt động logistics theo đặc điểm riêng biệt của loại sản phẩm tùy vào mức độ chuyên môn hóa, mức độ đầu tư, mức độ quan trọng và quy mô của các ngành hàng này ở mỗi quốc gia.

Các hệ thống logistics đặc thù với các nhóm hàng hóa tiêu biểu như: Logistics hàng tiêu dùng nhanh; Logistics ngành công nghiệp ô tô; Logistics ngành hàng hóa chất; Logistics ngành điện tử; Logistics ngành dầu khí; Logistics ngành nông sản; Logistics chuỗi cung ứng lạnh...

Các hệ thống Logistics theo ngành hàng sẽ hỗ trợ tối ưu nhất cho các chuỗi cung ứng ngành hàng đó khi có quy mô đủ lớn. Bởi lẽ hệ thống này có quy mô đáng kể và tính chuyên môn hóa cao nên tận dụng được lợi thế kinh tế. (An Thị Thanh Nhân – Giáo trình quản trị logistics trong kinh doanh)

1.1.5. Vai trò của logistics

1.1.5.1. Đối với nền kinh tế

Toàn cầu hóa kinh tế là xu hướng tất yếu của thời đại ngày nay, điều này gây ra biến động lớn thị trường toàn cầu, giao thương giữa các quốc gia, khu vực trên thế giới bùng nổ. Logistics hoạt động với vai trò như một chức năng kinh tế có tác động mạnh mẽ đến toàn bộ xã hội. Có thể thấy, logistics là mối liên kết kinh tế vô cùng chặt chẽ, xuyên suốt với quá trình sản xuất, phân phối và lưu thông hàng hóa. Việc phát triển dịch vụ logistics hiệu quả sẽ đóng góp vào việc gia tăng năng lực cạnh tranh của nền kinh tế một quốc gia. Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, sự cạnh tranh giữa các quốc gia trên thị trường quốc tế ngày càng trở nên gay gắt, nghiên cứu của Limao và Venables chỉ ra rằng, sự khác biệt trong cơ cấu cơ sở hạ tầng chiếm 40% sự chênh lệch chi phí so với các quốc gia tiếp giáp với biển và 60% so với các quốc gia không tiếp giáp với biển, điều này khiến cho dịch vụ logistics trở thành một trong những lợi thế cạnh tranh của các quốc gia. Khi những quốc gia có mạng lưới kết nối dịch vụ logistics toàn cầu tốt sẽ dễ dàng tiếp cận được nhiều thị trường và người tiêu dùng từ những quốc gia khác.

Theo Ullman – nhà kinh tế học người Anh: “Khối lượng hàng hóa giao dịch giữa hai quốc gia tỷ lệ thuận với tiềm năng kinh tế của hai quốc gia và tỷ lệ nghịch với khoảng cách kinh tế giữa hai quốc gia đó”. Càng rút ngắn khoảng cách kinh tế

thì khối lượng hàng hóa tiêu thụ trên thị trường lại càng lớn. Chính vì vậy, việc cắt giảm chi phí logistics là vô cùng quan trọng trong chiến lược thúc đẩy phát triển hoạt động xuất nhập khẩu, tương đương với việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia. Bên cạnh đó, phát triển dịch vụ logistics mang lợi nhuận lớn cho nền kinh tế, logistics là một hoạt động tổng hợp có tính liên ngành, hiệu quả của hoạt động kinh doanh dịch vụ logistics có vai trò quan trọng tác động đến tính bền vững của ngành công nghiệp và thương mại mỗi quốc gia. Sự phát triển của dịch vụ logistics có vai trò đảm bảo quá trình hoạt động sản xuất, cung ứng hàng hóa, dịch vụ đáp ứng được tiến độ và chất lượng. Khả năng cắt giảm chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ có thể đạt được thông qua phát triển tốt dịch vụ logistics.

1.1.5.2. Đối với các doanh nghiệp

- Tiết kiệm và cắt giảm chi phí trong quy trình sản xuất, lưu thông, phân phối hàng hóa

Logistics hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết đầu ra lẫn đầu vào một cách hiệu quả, nhờ các giải pháp logistics mà doanh nghiệp chủ động hơn trong việc chọn nguồn cung nguyên vật liệu, công nghệ mới, mẫu mã, tìm kiếm thị trường tiêu thụ thông qua đa dạng kênh phân phối khác... Chủ động trong cả việc hoạch định kế hoạch sản xuất, kiểm soát hàng tồn kho và đạt mục tiêu giao hàng theo tiêu chuẩn just in time với tổng chi phí thấp nhất.

Ngoài ra, vận tải là nhân tố quan trọng trong quá trình lưu thông, mà bộ phận cấu thành giá cả hàng hóa chiếm một tỷ lệ không nhỏ đó là chi phí vận tải trong lưu thông. Vận tải lại là yếu tố chủ chốt trong hệ thống logistics, vì vậy khi dịch vụ logistics ngày càng trở nên hoàn thiện và hiện đại sẽ dẫn đến việc tiết kiệm cho chi phí vận tải và các chi phí liên quan khác trong quá trình lưu thông, phân phối hàng hóa.

- Gia tăng giá trị hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp giao nhận vận tải

Trước đây, người cung cấp dịch vụ giao nhận vận tải chỉ đơn thuần là thực hiện cung cấp cho khách hàng những dịch vụ đơn lẻ, thuần túy. Cho đến ngày nay, do sự phát triển không ngừng của sản xuất, lưu thông, chi tiết một sản phẩm có thể được cung ứng bởi nhiều quốc gia khác nhau, trong khi một doanh nghiệp tại một quốc gia có thể tiếp cận nhiều thị trường và quốc gia khác nhau để tiêu thụ sản phẩm của mình. Điều này đòi hỏi dịch vụ giao nhận vận tải phải trở nên đa dạng và phong phú để có thể đáp ứng được nhu cầu từ phía khách hàng. Người giao nhận vận tải không chỉ đơn thuần thực hiện hoạt động chuyên phát hàng hóa mà đã mở rộng phạm vi dịch vụ để đáp ứng đầy đủ và linh hoạt dựa trên nhu cầu thực tế của khách hàng. Giao nhận vận tải truyền thống giờ đây đã chuyển sang người cung cấp dịch vụ logistics mang lại giải pháp toàn diện cho chuỗi cung ứng và phân phối. Rõ ràng, sự chuyển đổi này đã đóng góp tích cực vào việc gia tăng giá trị hoạt động kinh doanh cho các doanh nghiệp giao nhận vận tải, giúp họ gia tăng mức độ nhận diện của mình trên thị trường toàn cầu.

➤ Phát triển mở rộng ra thị trường quốc tế

Mục đích của sản xuất chính là tạo ra sản phẩm phục vụ cho tiêu dùng, cho nên trong hoạt động sản xuất kinh doanh, vấn đề thị trường luôn đóng vai trò trọng tâm và là mối quan tâm hàng đầu của các nhà sản xuất và các doanh nghiệp. Để chiếm lĩnh và mở rộng thị trường cho sản phẩm của mình, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phải nhờ vào sự hỗ trợ của dịch vụ logistics. Dịch vụ logistics có thể được xem như chiếc cầu nối trong việc giúp chuyển dịch hàng hóa một cách hiệu quả trên các tuyến đường mới, đến các thị trường mới, đồng thời đáp ứng được yêu cầu cơ bản là thời gian và địa điểm. Sự phát triển của dịch vụ logistics đóng vai trò quan trọng trong quá trình khai thác và mở rộng thị trường kinh doanh cho các doanh nghiệp, giúp họ nhanh chóng định hướng đúng đắn chiến lược kinh doanh, thích nghi và tận dụng trong môi trường kinh doanh đầy biến động.

➤ Giảm chi phí thông qua hoàn thiện và tiêu chuẩn hóa chứng từ trong kinh doanh quốc tế

Theo các chuyên gia trong lĩnh vực ngoại thương, việc xử lý các giấy tờ, chứng từ phức tạp chiếm tới hơn 10% kim ngạch mậu dịch quốc tế, một tỷ trọng

không nhỏ trong chi phí liên quan đến thương mại quốc tế và vận chuyển. Thông qua dịch vụ mà các doanh nghiệp logistics cung ứng, đảm bảo nhận trách nhiệm ký một hợp đồng duy nhất có thể sử dụng chung cho mọi loại hình vận tải. Điều này giúp giải quyết vấn đề rườm rà của giấy tờ, tạo ra sự hiệu quả và tiết kiệm chi phí trong quá trình vận chuyển hàng hóa từ nơi gửi đến nơi nhận cuối cùng.

Ngoài ra, sự phát triển của logistics điện tử (electronic logistics) sẽ mở ra một cuộc cách mạng trong lĩnh vực vận tải và logistics. Điều này dự kiến sẽ giảm đáng kể chi phí liên quan đến giấy tờ và chứng từ trong quá trình lưu thông hàng hóa, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ logistics. Bên cạnh đó, khả năng giảm cồng kềnh hơn về mặt không gian và thời gian trong quá trình lưu chuyển nguyên vật liệu và hàng hóa. Đồng thời, sự gần gũi hơn giữa các quốc gia trong hoạt động sản xuất và lưu thông có thể trở nên hữu ích hơn do sự thuận tiện và linh hoạt tăng lên nhờ logistics điện tử trong quá trình quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu.

1.1.6. Xu hướng phát triển của logistics

Toàn cầu hóa kinh tế là xu hướng tất yếu của thời đại ngày nay, biến động lớn thị trường quốc tế, giao thương giữa các quốc gia, khu vực trên thế giới bùng nổ kéo theo nhu cầu sử dụng các dịch vụ logistics như kho bãi, vận chuyển... ngày càng trở nên rộng rãi trên toàn cầu.

Sự bùng nổ của thương mại điện tử, công nghệ thông tin tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của logistics.

Logistics trong thương mại điện tử có thể được hiểu là các hoạt động liên quan đến quá trình lưu trữ và vận chuyển hàng hóa, từ việc quản lý hàng tồn, đóng gói và vận chuyển các đơn đặt hàng, cả những dịch vụ sau bán hàng như xử lý đổi trả, thu hồi, tất cả thông qua bởi hệ thống logistics. Mạng lưới internet bao phủ toàn cầu, song song với môi trường thương mại điện tử, khi doanh nghiệp và khách hàng giao tiếp qua internet, việc tạo dựng niềm tin và uy tín đối với khách hàng còn hạn chế. Sự cạnh tranh giữa các đơn vị cung cấp dịch vụ dẫn đến việc hoàn thiện hệ thống và cung cấp các dịch vụ GTGT, việc này khiến cho nhu cầu bán hàng và mua sắm cần được tối ưu hóa để đáp ứng của khách hàng về các yếu tố về giao hàng nhanh hơn, an toàn hơn và tiết kiệm hơn. Chính vì vậy, logistics trong

TMĐT là yếu tố hỗ trợ tích cực cho hoạt động của doanh nghiệp với mục tiêu giao hàng đúng sản phẩm, đúng số lượng, đúng thời gian, đúng địa điểm và đúng khách hàng, góp phần tạo dựng uy tín, lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp. Sự tương thích giữa quy trình trong TMĐT với một hệ thống logistics hoàn chỉnh, đáp ứng được những kỳ vọng của khách hàng trong thời đại công nghệ thông tin chính là nhân tố quyết định thành bại trong kinh doanh.

Chiến lược logistics đẩy truyền thống đang dần được thay thế bởi sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của chiến lược logistics kéo.

Logistics đẩy là phương pháp chủ yếu tạo ra hàng tồn kho và đẩy hàng hóa ra thị trường tiêu thụ để đáp ứng nhu cầu theo dự báo thị trường. Logistics kéo sẽ hoạch định sản xuất dựa trên nhu cầu thực tế của khách hàng, có nghĩa là nhà sản xuất đến khi nhận đơn đặt hàng mới tiến hành sản xuất hàng hóa. Chiến lược logistics kéo đối lập hoàn toàn với chiến lược logistics đẩy truyền thống về mặt bản chất, logistics đẩy được chỉ đạo và thực hiện thông qua kế hoạch sản xuất được sắp đặt trước, logistics kéo được thực hiện bởi hoạt động trao đổi mua bán thực tế.

Logistics đẩy truyền thống tuy tối ưu hóa trong sản xuất nhưng lại làm tăng chi phí trong lưu thông, không có khả năng linh hoạt đáp ứng nhu cầu ngày càng biến động của thị trường. Mặt khác, logistics kéo có lợi thế hơn ở mặt hạn chế của logistics đẩy, nhờ khả năng dự báo tốt hơn những đơn đặt hàng sắp đến mà giảm thiểu được thời gian đặt hàng, đồng thời cũng giảm thiểu mức tồn kho tương đương với vấn đề cắt giảm chi phí. Ngoài ra, logistics kéo tối ưu hóa toàn hệ thống logistics (từ đầu nguồn cung ứng nguyên vật liệu cho đến sản xuất và phân phối) góp phần làm tăng khả năng liên kết giữa các thành phần trong chuỗi cung ứng chứ không chỉ riêng tối ưu trong sản xuất như logistics đẩy. Do đó, ngày nay phần lớn các doanh nghiệp đang dần chuyển sang chiến lược logistics kéo.

Xu hướng thuê ngoài dịch vụ logistics ngày càng trở nên phổ biến.

Ngày càng có nhiều nhà cung ứng dịch vụ logistics ra đời để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng cao của khách hàng, cạnh tranh cũng quyết liệt hơn. Một số đơn vị khai thác lĩnh vực logistics có vị thế và uy tín toàn cầu như DHL, UPS,

FedEx, XPO logistics, Kuehne + Nagel... bên cạnh những đơn vị có uy tín, gặt hái được nhiều thành tựu to lớn thì các doanh nghiệp vận tải, giao nhận khác cũng nhanh chóng nắm bắt thời cơ phát triển, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh của mình trên thị trường. Thực tế chỉ rõ việc áp dụng các giải pháp logistics mà các nhà cung ứng dịch vụ mang lại nhiều lợi ích to lớn cho doanh nghiệp nhờ loại bỏ được khoản đầu tư vào hoạt động logistics, thay vào đó là giảm giá thành sản phẩm để tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, các nhà cung ứng dịch vụ logistics chuyên nghiệp còn có khả năng giúp các doanh nghiệp có thể tiếp cận công nghệ mới, được cung cấp, nắm bắt thông tin kịp thời, chính xác về nguồn cung ứng tại thị trường tiêu thụ.

Xu hướng logistics xanh.

Đi đôi với sự phát triển kinh tế hiện đại, logistics gắn chặt với vấn đề về tác hại đối với môi trường. Ở một số quốc gia trên thế giới, đặc biệt là châu Âu, nơi phát triển khái niệm chuỗi cung ứng xanh (Green Supply Chain) vô cùng quan tâm đến tính an toàn và bền vững. Ở một số lĩnh vực đã có qui định bắt buộc các doanh nghiệp phải tuân thủ và tính toán lượng cacbon mà chuỗi cung ứng thải ra môi trường.

Xu hướng phát triển ngành cung ứng dịch vụ logistics bên thứ 3 (3PL).

Những năm gần đây, dịch vụ logistics trọn gói (3PL) gần như trở thành xu thế phát triển chung của các LSP. Trong thời điểm nhu cầu cho dịch vụ gia tăng đều đặn, các nhà cung ứng 3PL nhanh chóng tái cấu trúc, mở rộng phạm vi địa lý và làm đa dạng hóa dịch vụ nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh phát triển thông qua việc tối ưu hóa chi phí và tăng giá trị gia tăng của các doanh nghiệp.

Mở rộng mối liên kết giữa các doanh nghiệp logistics toàn cầu và sự phát triển của dịch vụ logistics 4PL và 5PL.

Dựa trên nền tảng của 3PL, với quy mô và trách nhiệm cao hơn, liên kết để phối hợp các hoạt động logistics trên toàn cầu. 4 PL là hoạt động hướng đến quản trị trong toàn bộ quá trình logistics, chuyên thực hiện các hoạt động tích hợp, có trách nhiệm kiểm soát dòng lưu chuyển logistics, cung cấp những giải pháp trong

dây chuyền chuỗi cung ứng, hoạch định, tư vấn, quản trị hoạt động vận tải... 5PL phát triển theo hướng nhằm phục vụ và quản trị toàn bộ quá trình logistics trên nền tảng TMĐT. Sự phối hợp này sẽ hỗ trợ các nhà cung cấp dịch vụ logistics toàn cầu chia sẻ các nguồn lực chung như các dịch vụ kho bãi, vận tải... tạo nên chuỗi cung ứng hoàn chỉnh, mang lại lợi ích cho các bên về mặt thời gian và tiết kiệm chi phí. Do xu hướng tất yếu của sự phát triển này mà ngày càng có nhiều nhà cung cấp 4PL và 5PL xuất hiện. (Luận văn Đại học Công Thương – Phát triển hoạt động kinh doanh dịch vụ logistics cho các doanh nghiệp giao nhận vận tải Việt Nam trên thị trường miền Nam Việt Nam)

1.1.6.1. Các nghiên cứu nước ngoài về phát triển ngành logistics

Theo báo cáo của ResearchAndMarket.com, quy mô thị trường logistics trên toàn thế giới đạt khoảng 3.215 tỉ USD năm 2021, tăng 17,6% so với năm 2020, cho thấy vai trò và tiềm năng phát triển của logistics là rất lớn. Tuy nhiên, cũng bởi do sự phát triển không ngừng đó mà ngành dịch vụ logistics sẽ đối mặt với không ít cơ hội lẫn trở ngại. Vì vậy, việc xây dựng chiến lược dài hạn là rất quan trọng để đặt nền tảng phát triển trong tương lai. Một vài nghiên cứu cho thấy sự nhận thức về các kịch bản tương lai trong lĩnh vực ngành logistics vẫn chưa đủ. Những kịch bản này có thể giúp dự báo những thách thức và cơ hội tiềm ẩn trong tương lai mà còn cung cấp những cơ sở có giá trị cho việc xây dựng chiến lược và quyết định chiến lược trong ngành. Việc hiểu rõ và dự đoán tương lai sẽ hỗ trợ các doanh nghiệp và nhà nghiên cứu logistics trong việc thích nghi và phát triển theo hướng có lợi trong bối cảnh ngày càng biến động của ngành dịch vụ logistics.

Một nghiên cứu mang tên “Vietnam logistics development, trade facilitation and the impact on poverty reduction” thuộc nghiên cứu của viện Nomura về logistics Việt Nam. Nghiên cứu này cho rằng các nhà cung cấp dịch vụ logistics Việt Nam chỉ đáp ứng được khoảng 25% nhu cầu cơ bản của thị trường logistics. Mặc dù Việt Nam có lợi thế về giá cả của dịch vụ logistics nhưng chất lượng dịch vụ vẫn chưa được đảm bảo. Vấn đề lớn nhất mà thị trường logistics Việt Nam đang phải đối mặt là sự kém phát triển của các doanh nghiệp giao nhận địa phương.

Nghiên cứu mang tên “Competing upstream: Inbound logistics as a source of competitive advantage”, nghiên cứu tập trung vào khảo sát những yếu tố quyết định đến lợi thế cạnh tranh trong dịch vụ logistics đầu vào. Nghiên cứu thực hiện dựa trên 80 doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực logistics tại thời điểm nghiên cứu. Kết quả cho thấy, trong tổng số 80 doanh nghiệp được khảo sát có đến 65 doanh nghiệp (81,25%) đồng tình chi phí, tốc độ giao hàng và lợi ích khách hàng đều có mối liên kết chặt chẽ với chất lượng dịch vụ logistics. Bên cạnh đó, có 11% xuất phát từ sự khác biệt về chi phí; 4,81% sự khác biệt trong lợi thế khách hàng và 4,42% từ sự khác biệt về tốc độ giao hàng.

Một nghiên cứu khác mang tên “Formulating regional logistics development policy: The case of ASEAN”, đã đưa ra một hệ thống đánh giá năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực logistics của các quốc gia trong khu vực ASEAN, bao gồm Việt Nam. Nghiên cứu này tập trung vào 4 yếu tố chính để đánh giá như sau: (1) tiềm năng phát triển cơ sở hạ tầng logistics; (2) sự kiện toàn và phát triển của khung thể chế, chính sách, pháp luật trong công tác quản lý logistics; (3) năng lực của các nhà cung cấp dịch vụ logistics; (4) năng lực của bộ phận sử dụng dịch vụ logistics. Những tiêu chí này giúp xây dựng một cái nhìn tổng quan về năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực logistics cả ở các quốc gia và khu vực.

1.1.6.2. Các nghiên cứu trong nước về phát triển ngành logistics

Theo số liệu từ Hiệp hội doanh nghiệp Logistics Việt Nam, Doanh nghiệp logistics Việt Nam đang hoạt động là doanh nghiệp Việt Nam chiếm đến 90%, nhưng chỉ chiếm 30% thị phần, còn lại thuộc các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Chủ yếu là quy mô vừa và nhỏ dù số lượng nhiều. Những năm gần đây, ngành logistics tại Việt Nam đã đạt tốc độ tăng trưởng tương đối cao, ước tính khoảng 14 đến 16% với quy mô chiếm khoảng 4 đến 5% GDP. Điều này là minh chứng cho sự thay đổi thì liên tục của dịch vụ logistics tại Việt Nam qua từng năm. So với giai đoạn nghiên cứu của viện Nomura vào năm 2002, logistics ở Việt Nam được mô tả là một hệ thống nghèo nàn, lạc hậu thì hiện tại ngành này đã trải qua những bước tiến quan trọng, logistics Việt Nam đã dần chuyển đổi, đáp ứng một

cách linh hoạt đối với nhu cầu phát triển của đất nước và hài hòa với xu hướng phát triển toàn cầu.

Nghiên cứu mang tựa đề “Phát triển các dịch vụ logistics tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế”, nghiên cứu đã làm rõ Việt Nam đến thời điểm hiện tại, lĩnh vực logistics chỉ được công nhận là một hoạt động thương mại theo luật thương mại sửa đổi hiệu lực kể từ 01/01/2006. Tuy nhiên, do tính chất rộng lớn có tính liên ngành của nó, nơi mà các lĩnh vực giao thông vận tải, thương mại dịch vụ, hải quan và công nghệ thông tin giao thoa, các quy định hiện tại vẫn còn nhiều điểm bất cập, cũng như nhiều vấn đề quản lý quan trọng vẫn chưa được giải quyết. Việc điều tiết các hoạt động logistics trên thị trường, đặc biệt là trong lĩnh vực quản lý nhà nước về logistics và các cấp độ quản lý vẫn chưa được xác định rõ ràng, dẫn đến tình trạng chòng chéo giữa các cơ quan như Sở Giao Thông Vận Tải và sở Công Thương ở các cấp địa phương. (Đặng Đình Đào, 2010)

Đề tài nghiên cứu “Nâng cao khả năng cạnh tranh ngành dịch vụ logistics Việt Nam trong bối cảnh kinh tế hội nhập sâu rộng vào thị trường quốc tế” đã khảo sát 423 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu chỉ ra tác động của 6 yếu tố đến khả năng cạnh tranh của ngành dịch vụ logistics tại Việt Nam bao gồm: (1) sự phát triển cơ sở hạ tầng; (2) sự phát triển của khung thể chế pháp lý liên quan đến lĩnh vực logistics; (3) chất lượng nguồn nhân lực ngành logistics; (4) chi phí logistics; (5) hiệu quả của các quy trình, thủ tục và năng lực của các nhà cung cấp dịch vụ logistics; (6) nhu cầu và tiềm năng phát triển của dịch vụ logistics. Nghiên cứu cũng chỉ ra chất lượng nguồn nhân lực và hệ thống chính sách pháp luật là 2 yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến năng lực cạnh tranh của ngành logistics Việt Nam trong bối cảnh hội nhập sâu rộng vào kinh tế quốc tế. Song, việc cắt giảm chi phí logistics và yếu tố chất lượng dịch vụ logistics có mức độ ảnh hưởng tương đối thấp. (Bùi Duy Linh, 2018)

Tóm lại, ngành dịch vụ logistics tại Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức chưa được nghiên cứu và tiếp cận một cách có hệ thống. Chính vì vậy việc cần thiết là đề xuất những giải pháp tích hợp nhằm khắc phục những vấn đề này trong tương lai. Bằng cách này các cơ quan chính trị và kinh tế cũng như các doanh

ngành có thể đặt ra mục tiêu phát triển ngành logistics theo hướng bền vững trong tương lai. (NCS. VƯƠNG THỊ BÍCH NGÀ – Tạp chí công thương)

1.2. Một số vấn đề về các yếu tố cơ bản của logistics

1.2.1. Cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng logistics không những đáp ứng những yêu cầu cơ bản của hoạt động sản xuất mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của chuỗi cung ứng hàng hóa và dịch vụ của mỗi doanh nghiệp, đồng thời góp phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế. Cơ sở hạ tầng logistics ngoài việc hỗ trợ trong việc vận chuyển nguyên vật liệu và hàng hóa mà còn đảm bảo các hoạt động xử lý, lưu trữ hàng hóa và truyền đạt thông tin linh hoạt giữa các dây chuyền sản xuất. Những hoạt động như vận chuyển hàng hóa, lưu kho và truyền đạt thông tin được xem là những hoạt động cơ bản của hệ thống logistics. Cơ sở hạ tầng logistics qua đó tác động trực tiếp đến chuỗi cung ứng của doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả trong hoạt động kinh doanh và đóng góp tích cực vào sự phát triển của cả nền kinh tế và xã hội.

Thực tế phát triển các hoạt động logistics trên toàn cầu là minh chứng rằng cơ sở hạ tầng vững chắc là điều kiện tiên quyết để hệ thống này có thể phát triển theo hướng bền vững. Tính sẵn có và chất lượng của cơ sở hạ tầng là một trong những nhân tố quyết định chính đến môi trường logistics và giao thông của một quốc gia. Chính vì vậy, có thể khẳng định rằng cơ sở hạ tầng làm nền tảng cốt lõi của mỗi hoạt động logistics, một cơ sở hạ tầng chất lượng sẽ hỗ trợ hàng hóa và dịch vụ được vận chuyển một cách nhanh chóng và hiệu quả nhất. Cơ sở hạ tầng bao gồm: đường biển, đường sông, đường bộ, đường sắt, đường hàng không và hệ thống công nghệ thông tin.

1.2.1.1. Đường biển

Khi các phương tiện giao thông hiện đại còn chưa phát triển, vận tải đường biển đã có mặt từ rất sớm. Đây là một trong những hình thức vận chuyển hàng hóa và con người giữa các khu vực cũng như giữa các quốc gia khi phương tiện khác vẫn chưa xuất hiện. Tuy tốc độ vận chuyển chậm và bị lệ thuộc vào điều kiện tự nhiên nhưng vận tải đường biển luôn giữ vai trò quan trọng nhất trong hệ thống

giao thông vận tải, vận tải quốc tế và thúc đẩy thương mại quốc tế. Vận tải đường biển đang dần phát triển và luôn theo kịp với thời đại, có sự tiến bộ trong cả phương tiện và cơ sở hạ tầng theo từng giai đoạn phát triển của xã hội.

Cơ sở hạ tầng phục vụ cho vận tải đường biển bao gồm các cảng biển và các cảng trung chuyển; phương thức vận chuyển hàng hóa bằng hình thức vận tải đường biển bao gồm: bằng container, bằng sà lan đối, bằng phương tiện giữ đông lạnh. Hình thức vận tải đường biển thích hợp đối với các khu vực có đường bờ biển gần kề và sẵn có cảng đón tàu. Có thể được ứng dụng vào việc vận chuyển hàng hóa trong nước và cả quốc tế. Bởi vì các tàu vận chuyển thường có quy mô lớn và khả năng chở hàng có trọng tải nặng, vận tải đường biển thường được ưa chuộng trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, đặc biệt là khi cần vận chuyển lượng hàng hóa và trọng lượng lớn.

Với sự tiến bộ vượt trội của khoa học kỹ thuật ngày nay, vận tải đường biển đã trải qua quá trình hoàn thiện và phát triển đáng kể. Các phương tiện vận chuyển ngày càng được cải thiện, có khả năng vận chuyển hàng hóa đa dạng và số lượng, trọng lượng lớn hơn, mở rộng phạm vi ứng dụng của hình thức vận tải này. Các cơ sở hạ tầng như cảng, bến tàu, bãi ngày càng được xây dựng với cơ sở hạ tầng vững chắc với hệ thống an ninh hiện đại. Trang thiết bị trên tàu vận chuyển cũng được nâng cấp đảm bảo an toàn và công tác cứu hộ cứu nạn trên biển đang nhận được sự quan tâm và đầu tư đáng kể.

Sự quan tâm của các doanh nghiệp đối với vận tải đường biển ngày càng tăng, nhiều doanh nghiệp đã chuyển hướng đầu tư vào lĩnh vực này. Điều này kèm theo sự mở rộng kinh tế và cơ hội giao thương quốc tế, đẩy mạnh sự phát triển của vận tải đường biển.

1.2.1.2. Đường sông

Cơ sở hạ tầng vận tải đường sông bao gồm các công trình xây dựng trên đường sông nhằm hỗ trợ cho hoạt động vận tải, đảm bảo tính chất an toàn và hiệu quả. Bao gồm một loạt các cơ sở hạ tầng như cảng, bến, đê, kênh, cầu, cống và các thiết bị giám sát giao thông đường sông. Các công trình này được thiết kế và

xây dựng nhằm mục đích đảm bảo tàu thủy có thể di chuyển và hoạt động trên đường sông một cách thuận lợi và an toàn.

Vận tải đường sông ít gặp tai nạn và thiệt hại hàng hóa do diện tích mặt nước rộng, ít chướng ngại vật và không bị ảnh hưởng từ các yếu tố từ hình thức vận tải khác, đảm bảo an toàn cho hàng hóa và những người tham gia vận tải đường sông. Tương tự vận tải đường biển, vì không cần xây dựng và bảo trì cơ sở hạ tầng phức tạp nên vận tải đường sông có chi phí vận chuyển thấp, khả năng chuyên chở hàng hóa với số lượng lớn, gây ít khí thải và tiếng ồn hơn so với các phương thức vận tải khác, loại hình vận tải này cũng đóng góp quan trọng trong việc bảo vệ và phát triển các hệ sinh thái ven sông, duy trì sự cân bằng sinh thái. Thân thiện với môi trường là một lợi thế quan trọng, nhất là trong bối cảnh nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Cơ sở hạ tầng vận tải đường sông cần chú trọng đầu tư vào việc xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông thủy nội địa, bao gồm cảng, bến, đê, công trình điều tiết dòng chảy bên cạnh hệ thống đường sông. Quá trình đầu tư này không chỉ nâng cao năng lực và hiệu quả vận chuyển hàng hóa và du khách trên đường sông mà còn khuyến khích sự áp dụng các công nghệ mới và tiên tiến trong quản lý, vận hành, an ninh giao thông. Đóng góp tích cực vào việc nâng cao hiệu quả và tiện ích của ngành vận tải đường sông.

1.2.1.3. Đường bộ

Vận tải đường bộ có mạng lưới dưới dạng 3 chiều hoặc mạng nhện, thể hiện năng lực của hệ thống logistics quốc gia, đồng thời phản ánh trình độ phát triển kinh tế của một đất nước. Vận tải đường bộ đóng vai trò quan trọng và là một phần của cơ sở hạ tầng vận chuyển hàng hóa. Bởi tính linh hoạt và cơ động cao của vận tải đường bộ giúp nó trở thành một phương thức vận chuyển phổ biến với tốc độ tương đối và quy trình thủ tục đơn giản hơn so với các phương thức khác như hàng không. Điểm cộng là khả năng chuyên chở hàng hóa trực tiếp từ điểm xuất phát đến đích đến mà không cần kết hợp với các phương thức vận tải khác.

Vận tải đường bộ không chỉ đóng vai trò quan trọng trong giao lưu hàng hóa nội địa và quốc tế mà còn hỗ trợ các phương thức vận tải khác với trách nhiệm như

là cầu nối, tạo thành một hệ thống vận tải thống nhất và liên kết các phương thức này lại với nhau.

Kết cấu cơ sở hạ tầng đường bộ bao gồm: các công trình đường bộ; bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng; các công trình phụ khác phục vụ giao thông và hành lang an toàn giao thông. Việc đầu tư, xây dựng các tuyến đường bộ không cần quá nhiều vốn và vật tư, trình độ kỹ thuật làm đường cũng không đòi hỏi phức tạp như đường sắt hay đường băng sân bay. Giá thành xây dựng đường bộ tương đối thấp, đặc biệt có thể xây dựng đường bộ cấp thấp với chi phí rất nhỏ trong trường hợp nguồn vốn bị hạn chế.

Tuy nhiên, giá cước vận tải đường bộ lại rất cao, điều này không phù hợp trong việc vận chuyển những mặt hàng có giá trị thấp. Vận tải đường bộ còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên như địa hình và thời tiết, có tác động đến tính ổn định của dịch vụ.

1.2.1.4. Đường sắt

Vận tải đường sắt là phương tiện vận tải đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế xã hội của mỗi quốc gia, tùy thuộc vào vị trí địa lý của quốc gia đó. Đối với những quốc gia không có biển như Lào, đường sắt trở thành phương tiện chủ lực trong hệ thống vận tải.

Khả năng vận chuyển của vận tải đường sắt lớn với tốc độ cao, phù hợp với hầu hết các loại hàng hóa và có thể hoạt động quanh năm, ít bị ảnh hưởng bởi thời tiết, giá rẻ. Tuy nhiên, chi phí đầu tư xây dựng các tuyến đường sắt khá cao, lại kém linh hoạt và cơ động hơn so với đường bộ.

Hiện nay, nhiều quốc gia trên thế giới đã và đang chú trọng vào đầu tư xây dựng các tuyến đường sắt cao tốc dựa trên các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới nhất và đòi hỏi trình độ kỹ thuật làm đường phức tạp mang lại những ưu điểm tốc độ cao, năng lực vận chuyển lớn và hiệu quả môi trường cao.

1.2.1.5. Đường hàng không

Vận tải hàng không đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng và liên kết các vùng kinh tế khác nhau, đồng thời đóng góp vào quá trình phát triển cho nền

kinh tế thế giới. Là cầu nối văn hóa và là phương tiện chính phát triển du lịch toàn cầu. Đồng thời, vận tải hàng không là một liên kết quan trọng hỗ trợ kết hợp với các phương thức vận tải khác nhằm tận dụng lợi thế của từng phương thức vận tải.

Trước hết là những ưu điểm nổi bật của phương thức vận tải hàng không như tốc độ cao, không bị cản trở về mặt địa hình, sử dụng công nghệ cao, thủ tục đơn giản hóa và độ an toàn cao. Tuy nhiên, giá cước vận tải hàng không cao nhất trong các loại phương thức vận chuyển khác, không phù hợp đối với hàng hóa giá trị thấp, có khối lượng lớn, cồng kềnh và đòi hỏi chi phí đầu tư lớn vào cơ sở vật chất kỹ thuật cũng như nguồn nhân lực phục vụ.

Cảng hàng không được coi là cơ sở vật chất kỹ thuật quan trọng nhất của vận tải hàng không. Đây là nơi máy bay đỗ và cất hạ cánh, cung cấp điều kiện vật chất kỹ thuật và các dịch vụ liên quan đến vận chuyển hàng hóa và hành khách. Mỗi cảng hàng không đều có các khu vực đặc trưng cho hàng xuất, hàng nhập và hàng chuyển tải. Phương tiện vận tải hàng không là máy bay, trang thiết bị xếp dỡ làm hàng tại cảng hàng không cũng không quá đa dạng cho tính chất hàng hóa vận chuyển bằng đường hàng không có hạn chế.

1.2.1.6. Hệ thống công nghệ thông tin

Sự phát triển của kinh tế toàn cầu và mối liên kết ngày càng mạnh mẽ giữa các quốc gia đồng thời đã thúc đẩy bước tiến trong lĩnh vực logistics. Trong bối cảnh ứng dụng công nghệ thông tin trở thành một trong những nhân tố quyết định đến năng lực cạnh tranh, không chỉ của các doanh nghiệp nói chung mà còn các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics nói riêng. Vì thế việc sự chú trọng vào nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ thông tin trở nên ngày càng quan trọng trong công tác quản trị hoạt động của các doanh nghiệp logistics.

Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin cần được tập trung vào cải thiện và đổi mới, bên cạnh việc tập trung đặc biệt vào triển khai hệ thống EDI nhằm mục đích nâng cao quá trình chuyển giao và số hóa dữ liệu, điều này bao gồm việc tăng cường tính bảo mật và hiệu suất chuyển giao dữ liệu. Một phần của ngân sách dành cho hoạt động kinh doanh nên được tập trung đầu tư vào hệ thống công nghệ thông tin để hiệu quả hóa việc triển khai những phần mềm mới quan trọng cho hoạt động

logistics như RFID, Barcode và dịch vụ đám mây logistics. Đặc biệt các doanh nghiệp logistics có thể thúc đẩy sự hợp tác với các nhà cung cấp phần mềm để tạo ra những ứng dụng chuyên biệt phù hợp với nhu cầu cụ thể của họ, hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng tối đa hiệu suất của từng ứng dụng.

1.2.2. Pháp lý và thể chế

Nhu cầu về giao thương ngày nay càng mạnh mẽ thì các yếu tố chính trị, pháp luật ngày càng có tác động sâu sắc đến hoạt động logistics. Một quốc gia có chính trị ổn định đồng nghĩa với doanh nghiệp quốc gia đó có sự tự chủ cao trong hoạt động sản xuất và kinh doanh, cũng như làm cho hoạt động logistics diễn ra thuận lợi hơn. Đi đôi với chính trị ổn định, sự quan tâm hỗ trợ đầy đủ về chính sách pháp lý từ phía Chính phủ đối với hoạt động logistics cũng rất quan trọng, doanh nghiệp sẽ có điều kiện tối ưu hóa chuỗi logistics của mình. Ngược lại, khi tình hình chính trị bất ổn định và Chính phủ thiếu sự quan tâm và hỗ trợ, hệ thống logistics không thể hoạt động suôn sẻ, thậm chí có thể bị ngưng trệ cho dù cơ sở hạ tầng hay điều kiện địa lý có tốt như thế nào.

Vì vậy các doanh nghiệp hiện đại ngày nay luôn đòi hỏi một khung thể chế và pháp lý chặt chẽ, được quan tâm điều chỉnh thường xuyên để ngày càng phù hợp với yêu cầu phát triển kinh doanh của hoạt động logistics.

1.2.3. Hiệu quả dịch vụ logistics

Hiệu quả hoạt động kinh doanh dịch vụ logistics gồm nhiều yếu tố quan trọng, có tác động vào việc xây dựng một hệ thống logistics hiệu quả mang đến giá trị cho cả doanh nghiệp và khách hàng. Các yếu tố tác động đến hiệu quả hoạt động của dịch vụ logistics bao gồm:

Quản lý chuỗi cung ứng: Dịch vụ logistics hoạt động tốt, có hiệu quả, chịu sự ràng buộc bởi khả năng quản lý chuỗi cung ứng, từ việc tối ưu hóa quy trình sản xuất đến hoạt động phân phối để giảm thời gian và chi phí.

Tối ưu hóa hệ thống vận chuyển: Việc tối ưu hóa hệ thống vận chuyển, vận chuyển có hiệu quả giảm chi phí và gia tăng khả năng đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Công nghệ thông tin và tích hợp hệ thống: Áp dụng hệ thống công nghệ thông tin vào việc theo dõi, quản lý và tối ưu hóa hoạt động logistics. Bên cạnh việc tích hợp giữa các bên liên quan trong chuỗi cung ứng có thể đảm bảo tính minh bạch và nâng cao hiệu suất.

Quản lý kho: Khả năng cung ứng hàng hóa đúng đắn, đúng thời điểm và giảm thiểu chi phí lưu kho thông qua quản lý kho thông minh và hiệu quả.

Dịch vụ khách hàng: Khả năng hỗ trợ và tương tác tích cực với khách hàng còn dựa vào hiệu suất của dịch vụ logistics. Dịch vụ khách hàng tốt hỗ trợ rất lớn trong việc xây dựng mối quan hệ lâu dài, duy trì sự hài lòng và lòng trung thành của khách hàng.

Đo lường hiệu suất và phản hồi: Việc xác định các chỉ số hiệu suất quan trọng và thường xuyên thực hiện đánh giá để theo dõi, cải thiện hoạt động logistics. Phản hồi của khách hàng và đối tác rất quan trọng đối với việc thích nghi và cải thiện.

Quản lý rủi ro: Khả năng quản trị rủi ro trước những sự cố trong hoạt động chuỗi cung ứng hỗ trợ giảm thiểu tác động từ những sự cố đó đối với khả năng cung ứng dịch vụ.

Bền vững và bảo vệ môi trường: Quản lý năng lượng, giảm thiểu lượng rác thải và sử dụng phương tiện vận chuyển bảo vệ môi trường là những điều liên quan đến chiến lược kinh doanh dịch vụ logistics hiệu quả.

1.2.4. Người cung ứng dịch vụ logistics (Logistics Service Provider – LSP)

Trước đây, khi chưa xuất hiện dịch vụ logistics, các bên liên quan trong chuỗi cung ứng bao gồm nhà cung ứng, nhà sản xuất, nhà phân phối, người bán buôn, bán lẻ và người tiêu dùng nếu có nhu cầu thực hiện các hoạt động cung ứng và phân phối, họ phải làm việc trực tiếp với nhau. Nhà sản xuất phải tự tìm kiếm nguồn cung ứng nguyên vật liệu và tự vận chuyển, phân phối đến tay khách hàng thông qua các kênh như người bán buôn, người bán lẻ.

Đến khi các dịch vụ logistics xuất hiện, các nhà cung cấp dịch vụ logistics (LSP) đã đảm nhiệm vai trò quan trọng trong việc kết nối giữa các bên liên quan trong chuỗi cung ứng. Các LSP thực hiện công việc vận chuyển nguyên vật liệu từ nhà cung ứng đến các giai đoạn sản xuất trong quá trình sản xuất, cả quá trình phân phối ra tới khách hàng cuối cùng. Qua đó có thể thấy rõ vai trò quan trọng của nhà cung cấp dịch vụ logistics trong việc giải quyết mọi vấn đề liên quan đến logistics theo yêu cầu khách hàng.

Song song với sự phát triển của dịch vụ logistics, vai trò của các LSP cũng được mở rộng đáng kể, những dịch vụ logistics cũng trở nên đa dạng và phức tạp hơn không đơn thuần chỉ là vận chuyển như trước đây. Các LSP hiện nay cung cấp các dịch vụ tích hợp, trọn gói, cụ thể dịch vụ logistics được phân làm 3 nhóm chính:

- a) Dịch vụ logistics chủ yếu: bao gồm các dịch vụ như bốc dỡ hàng hóa, kho bãi, bảo quản hàng hóa, kiểm soát hàng tồn, xử lý đổi trả hàng, tái phân phối sản phẩm và cả cho thuê hoặc buôn bán container...
- b) Dịch vụ logistics vận tải: là nhóm dịch vụ thực hiện các dịch vụ vận tải đa phương thức theo đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường hàng không cả nội địa và quốc tế.
- c) Dịch vụ logistics liên quan: bao gồm kiểm tra sản phẩm, tư vấn giải pháp vận chuyển hoặc các dịch vụ về tư vấn thủ tục xuất nhập khẩu, khai thuế Hải quan, tra mã HS code hàng hóa...

1.2.5. Người sử dụng dịch vụ logistics

Nhà cung ứng, nhà sản xuất, bán buôn, bán lẻ, người tiêu dùng, những doanh nghiệp xuất nhập khẩu, doanh nghiệp thương mại và người chuyên gửi hàng nhập hàng đều là những người sử dụng dịch vụ logistics.

Chu kỳ của một hoạt động logistics bắt nguồn từ nhu cầu của người sử dụng dịch vụ, có thể là từ cá nhân người tiêu dùng hoặc doanh nghiệp. Những nhu cầu này dẫn đến yêu cầu về dịch vụ, từ đó đặt ra các hoạt động logistics để vận chuyển nguyên vật liệu đến nhà máy, tiến hành sản xuất và phân phối sản phẩm từ nhà máy ra thị trường.

Người tiêu dùng đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm soát chu kỳ hoạt động của logistics. Sản phẩm được yêu cầu từ người tiêu dùng có thể dẫn đến quyết định mua hàng, quyết định mua hàng sẽ làm giảm lượng hàng tồn kho. Khi giảm tồn kho sẽ kích thích quá trình sản xuất, tạo ra nhu cầu mới về nguyên vật liệu cho doanh nghiệp. Quá trình sản xuất tiêu thụ nguyên vật liệu và tạo ra nhu cầu mới, tiếp tục chu kỳ liên tục của cho hoạt động logistics. Doanh nghiệp sau quá trình sản xuất xong sẽ tập trung vào nghiên cứu thị trường và ứng dụng những kết quả nghiên cứu đó để đảm bảo rằng sản phẩm của họ rất đúng nhu cầu và mong muốn của người tiêu dùng.

Người sử dụng dịch vụ có thể lựa chọn một dịch vụ đơn lẻ hoặc tích hợp tối ưu hiệu quả đảm bảo chất lượng và giá cả dịch vụ thông qua sự kết hợp linh hoạt.

1.3. Dịch vụ thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu

1.3.1. Thủ tục Hải quan và dịch vụ thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu

Theo khoản 23 Điều 4 Luật Hải quan 2014: Thủ tục Hải quan là hoạt động mà người khai Hải quan và cán bộ Hải quan thực hiện các công việc để hoàn tất quá trình thông quan hàng hóa cho hàng hóa xuất nhập khẩu theo quy định của luật, cũng như các phương tiện vận tải liên quan đến hoạt động xuất nhập cảnh.

Mục đích của thủ tục Hải quan là thực hiện quy trình thông quan hàng hóa và đánh thuế cho hàng hóa đó, nó còn là cơ sở hỗ trợ nhà nước quản lý thuế, đảm bảo sự cân bằng và ổn định trong thị trường. Bên cạnh đó thủ tục Hải quan đảm bảo an ninh và quản lý hàng hóa. Tại đây, nhằm đảm bảo xác định rằng hàng hóa xuất nhập khẩu không thuộc vào danh mục hàng cấm. Đồng thời giúp giữ vững an ninh quốc gia và duy trì trật tự xã hội trong quá trình quản lý hàng hóa.

Đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, quá trình thông quan hàng hóa là điều bắt buộc. Tuy nhiên, do sự phức tạp và đa dạng của quá trình này cùng với yêu cầu pháp lý liên quan đối với việc luân chuyển hàng hóa xuyên biên giới. Nhu cầu thuê ngoài dịch vụ thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu xuất hiện, tạo điều kiện cho các nhà cung cấp dịch vụ.

1.3.2. Yếu tố tác động đến việc xây dựng quy trình dịch vụ thông quan hàng hóa xuất nhập

Ngành Hải quan đang chú trọng vào việc phát triển Hải quan số và mô hình Hải quan thông minh, có nghĩa là ngành này đang tập trung vào thay đổi chính sách, việc xây dựng quy trình thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu cần thiết bám sát định hướng Hải quan để xây dựng quy trình tối ưu. Hiện nay, ngành Hải quan đang tiến hành việc đánh giá và rà soát, sửa đổi các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý Hải quan để đảm bảo tính phù hợp với mọi sự chuyển biến nhanh chóng trên thị trường. Đây là yếu tố rất quan trọng trong quá trình chuyển đổi và cập nhật để tạo ra một hệ thống Hải quan tiên tiến, đáp ứng linh hoạt những thách thức trong quản lý và xử lý hàng hóa quốc tế. Các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, doanh nghiệp hoạt động kinh doanh dịch vụ logistics cần lưu ý theo dõi những thay đổi này để xây dựng quy trình thông quan hàng hóa nhập khẩu phù hợp với quy định Hải quan, tối ưu thời gian và chi phí.

TÓM TẮT CHƯƠNG 1

Chương 1 tập trung vào các cơ sở lý thuyết liên quan đến logistics, dịch vụ logistics và dịch vụ thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu. Trong đó, đặt ra bối cảnh nghiên cứu về dịch vụ logistics, mô tả chung chung sự phổ biến và tác động của dịch vụ logistics trong chuỗi cung ứng vào hệ thống kinh tế toàn cầu và tác động ảnh hưởng đến việc xây dựng quy trình thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu. Bên cạnh đó, làm rõ vai trò của dịch vụ logistics, phân tích những nhân tố tác động bên trong nó, hướng tới những mục tiêu liên quan đến tối ưu quy trình sản xuất, giảm chi phí vận chuyển và cải thiện chất lượng dịch vụ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh dịch vụ logistics.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ QUY TRÌNH DỊCH VỤ THÔNG QUAN HÀNG HÓA NHẬP KHẨU TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU PHƯƠNG AN

2.1. Giới thiệu chung về Công Ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Phương An

Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Phương An được thành lập vào năm 2016, do bà Võ Huỳnh Thiên Hương làm người đại diện và hoạt động trên nhiều lĩnh vực như giao nhận vận tải, vận tải hàng hóa, khai thuê Hải quan... và một số ngành nghề khác.

- ❖ Tên công ty: Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Phương An.
- ❖ Tên giao dịch nước ngoài: PHUONG AN TRADING SERVICES IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED.
- ❖ Địa chỉ trụ sở: 1A210 Vĩnh Lộc, Ấp 1, Xã Phạm Văn Hai, Huyện Bình Chánh, Thành Phố Hồ Chí Minh.
- ❖ Điện thoại: 0838309502
- ❖ Fax: 0838307824
- ❖ Mã số thuế: 0314170965
- ❖ Ngày hoạt động: 24/12/2016
- ❖ Nơi đăng ký quản lý: Chi cục thuế huyện Bình Chánh
- ❖ Đại diện pháp luật: Võ Huỳnh Thiên Hương

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển Công Ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Phương An

Trong những năm gần đây, kinh tế Việt Nam đang dần dần hội nhập với nền kinh tế thế giới, các hoạt động kinh doanh ngoại thương giữa Việt Nam và các quốc gia diễn ra ngày càng sôi động. Tình hình đầu tư và hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu nhanh chóng trở thành một trong những lĩnh vực phát triển nhất tại Việt Nam. Nhận thức được vấn đề trên, vào năm 2016 Công Ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Phương An được thành lập dưới sự lãnh đạo của

bà Võ Huỳnh Thiên Hương và có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh. Từ khi thành lập đến nay công ty đã không ngừng lớn mạnh và trở thành đối tác của nhiều khách hàng trong và ngoài nước, trở thành công ty chuyên nghiệp và đáng tin cậy trong lĩnh vực dịch vụ giao nhận vận tải đối với tất cả các mặt hàng cũng như các loại hình xuất nhập khẩu.

Để có được sự thành công như hôm nay là nhờ có sự đóng góp của định hướng phát triển công ty đứng đắn với sự chỉ đạo sát sao của ban lãnh đạo luôn đặt con người làm trọng tâm với đội ngũ nhân viên nhiều kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao và đầy tâm huyết với nghề, luôn nhiệt tình, tận tâm và có trách nhiệm khi tư vấn cho khách hàng, đối tác trong việc lựa chọn được những giải pháp vận tải, kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất, với chi phí tiết kiệm nhất cũng như hạn chế tối đa những rủi ro cho khách hàng. Công ty luôn định hướng phát triển bền vững đối với yếu tố con người, nhân viên là lực lượng nòng cốt giúp tạo ra nhiều giá trị cho khách hàng và uy tín cho công ty.

Trong suốt thời gian hoạt động, công ty đã không ngừng phát triển, mở rộng hoạt động và ngày càng hoàn thiện chất lượng phục vụ khách hàng, cung cấp những dịch vụ tốt nhất với giá cả phù hợp, nâng cao năng lực cạnh tranh trong thị trường trong nước và Quốc tế. Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Phương An đang có rất nhiều hứa hẹn và đầy tiềm năng phát triển trong tương lai không xa.

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công Ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Phương An

2.1.2.1. Chức năng của công ty

Hiện nay công ty cung cấp đa dạng các dịch vụ sau để đáp ứng nhu cầu khách hàng:

- Dịch vụ khai thuê Hải quan
- Dịch vụ vận tải nội địa
- Giao nhận vận tải đa phương tiện
- Lưu kho và phân phối

- Dịch vụ thương mại (buôn bán phụ tùng xe, buôn bán hàng may mặc,...)

2.1.2.2. Nhiệm vụ của công ty

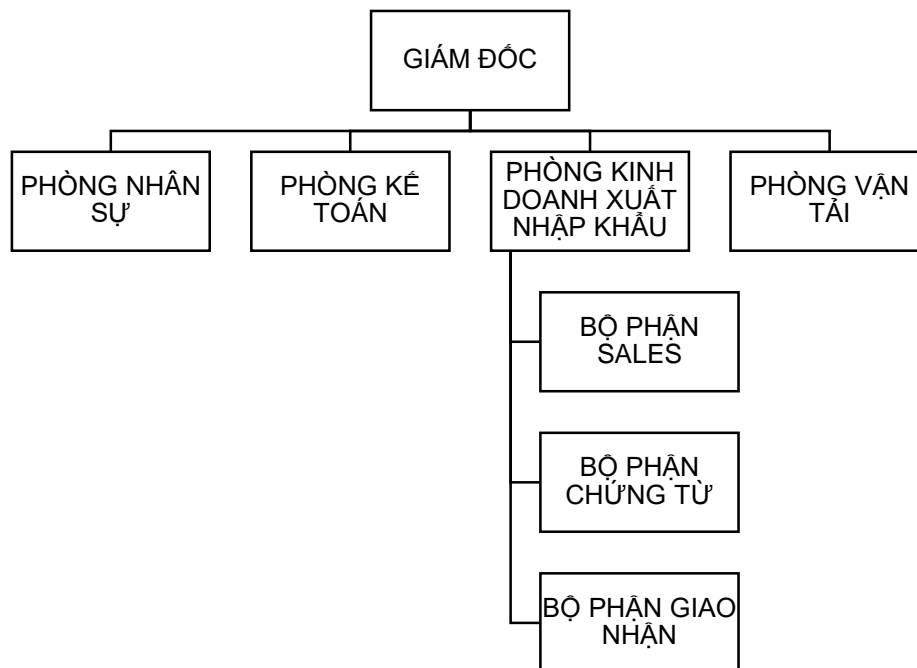
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Phương An luôn nỗ lực hết mình để trở thành một nhà cung cấp dịch vụ Logistics đáng tin cậy, uy tín ở Việt Nam cũng như trên thị trường Quốc tế, để đạt được những mục tiêu trên công ty đã không ngừng hoàn thành tốt các nhiệm vụ:

- Kinh doanh các lĩnh vực, ngành nghề được cấp phép trong giấy phép kinh doanh.
- Thực hiện tốt các nhiệm vụ và các định hướng kinh doanh của công ty.
- Duy trì và nâng cao dịch vụ, tạo niềm tin và uy tín với khách hàng.
- Tăng cường các chiến lược Marketing để tìm kiếm khách hàng, mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.
- Đầu tư và phát triển công ty ngày càng chuyên nghiệp và lớn mạnh trên thị trường.
- Thực hiện nghiệp vụ giao nhận, chuyên chở hàng hóa bằng phương tiện tiên tiến, hợp lý an toàn trên các luồng, các tuyến vận tải, cải tiến việc chuyên chở, chuyển tải lưu kho, lưu bãi, giao nhận hàng hóa và đảm bảo hàng hóa an toàn.
- Thực hiện tốt các chính sách, chế độ quản lý tài chính, phân phối lao động, bảo vệ môi trường.
- Đào tạo, nâng cao trình độ, bồi dưỡng nghiệp vụ trong ngành cho các cán bộ, nhân viên các cấp.
- Báo cáo thống kê định kỳ hàng tháng/năm theo biểu mẫu quy định của nhà nước.
- Hoàn thành nhiệm vụ nộp thuế đầy đủ và đúng thời hạn cho nhà nước.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức kinh doanh và quản lý của Công Ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Phương An

2.1.3.1. Bộ máy tổ chức

Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Phương An phân chia nguồn nhân lực đúng với khả năng và trình độ của nhân viên, điều hòa nhân sự trong công ty giúp công ty có môi trường làm việc đầy nhiệt huyết, giữ mối quan hệ tốt đẹp giữa các nhân viên. Mỗi phòng ban đều có chức năng riêng, nhiệm vụ cụ thể, phối hợp hoạt động hiệu quả, liên kết chặt chẽ với nhau. Tổng số nhân viên là 45 người đều có trình độ cao, chuyên môn nghiệp vụ vững vàng và ngoại ngữ tốt.



Sơ đồ 2-3: Sơ đồ tổ chức công ty Phương An

(Nguồn: Phòng nhân sự)

2.1.3.2. Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban

➤ **Giám đốc:**

- Là người giữ chức vụ cao nhất, chịu trách nhiệm quản lý trực tiếp, đưa ra quyết định cho công ty trong ngắn hạn và dài hạn.
- Ký kết hợp đồng đại diện công ty và chịu trách nhiệm pháp lý với quyết định của mình.

- Ra quyết định lương, thưởng, phạt và các chế độ phúc lợi, đãi ngộ đối với toàn thể nhân viên công ty.
- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo của công ty.
- Đặt ra tầm nhìn, văn hóa doanh nghiệp cho công ty.
- Giám sát cách thức hoạt động của công ty.

➤ **Phòng nhân sự:**

- Lên kế hoạch và thực hiện tuyển dụng nhân sự cho công ty khi công ty có nhu cầu tuyển dụng.
- Quản lý thông tin, lưu trữ hồ sơ nhân sự.
- Chú trọng và thực hiện các chương trình nhằm phát triển nguồn nhân lực.
- Theo dõi và quản lý hiệu suất làm việc của nhân viên.
- Đại diện công ty xử lý các tranh chấp tại nội bộ công ty.
- Tổ chức và quản lý các chế độ phúc lợi, đãi ngộ cho toàn bộ nhân viên trong công ty.

➤ **Phòng kế toán:**

- Hạch toán và thanh toán các doanh thu, chi phí để đảm bảo hoạt động nguồn tài chính của công ty.
- Lưu trữ, bảo quản và giữ gìn bí mật các số liệu, tài liệu kế toán của công ty.
- Phản ánh trung thực, chính xác và rõ ràng tình hình hoạt động kinh doanh của công ty qua các giai đoạn.
- Chịu trách nhiệm về các khoản thu chi, kiểm kê, lập báo cáo từng quý, từng năm cho công ty, báo cáo thuế theo định kỳ cho chi cục Hải quan.
- Cập nhật các thông tư, văn bản pháp luật mới nhất liên quan đến lĩnh vực tài chính kế toán.

➤ **Phòng kinh doanh xuất nhập khẩu:**

Bộ phận Sale:

- Giao tiếp trực tiếp với khách hàng, nghiên cứu, tiếp cận thị trường.
- Nắm bắt nhu cầu khách hàng, tìm kiếm khách hàng trong và ngoài nước.
- Cung cấp dịch vụ và thực hiện chăm sóc khách hàng.

- Tìm hiểu giá cả thị trường, các nghiên cứu, đối thủ cạnh tranh, đề xuất các phương án có lợi cho công ty.

Bộ phận chứng từ:

- Chịu trách nhiệm thực hiện và xử lý các chứng từ xuất nhập khẩu.
- Chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ chứng từ, công văn liên quan, cần thiết để hoàn thiện đơn hàng cho khách hàng.
- Liên hệ đặt chỗ với hãng tàu và theo dõi thời gian tàu chạy phối hợp với nhân viên giao nhận hàng đúng tiến độ.
- Đảm bảo quản lý và lưu trữ các hồ sơ chứng từ xuất nhập khẩu.

Bộ phận giao nhận:

- Thay mặt người xuất/nhập khẩu thực hiện các công việc: Khai báo hải quan, lấy chứng từ thông quan hàng hóa, dán seal, bấm seal cân đo hàng hóa, kiểm tra hàng hóa, đóng hàng và vận chuyển cho người nhận theo chỉ định.
- Theo dõi và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình giao nhận, ghi chép để theo dõi đối chiếu và lưu trữ.
- Phối hợp với phòng kế toán trong việc thanh toán các chi phí cho người giao nhận.
- Giao nhận hồ sơ, hợp đồng và nghiệm thu các hóa đơn, chứng từ liên quan.
- Hỗ trợ chủ hàng trong việc khiếu nại bồi thường nếu xảy ra tranh chấp.

➤ Phòng vận tải:

- Quản lý giá cước, các khoản phí thuộc bộ phận vận tải.
- Điều hành hoạt động, tổ chức sắp xếp hàng hóa, bố trí trí phương tiện vận tải vận chuyển hàng hóa theo đúng kế hoạch.
- Chịu trách nhiệm kiểm tra, bảo dưỡng xe định kỳ, đảm bảo phương tiện luôn trong tình trạng tốt để phục vụ nhu cầu vận chuyển.

**2.1.4. Tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của Công Ty
TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Phương An**

2.1.4.1. Cơ cấu dịch vụ của công ty

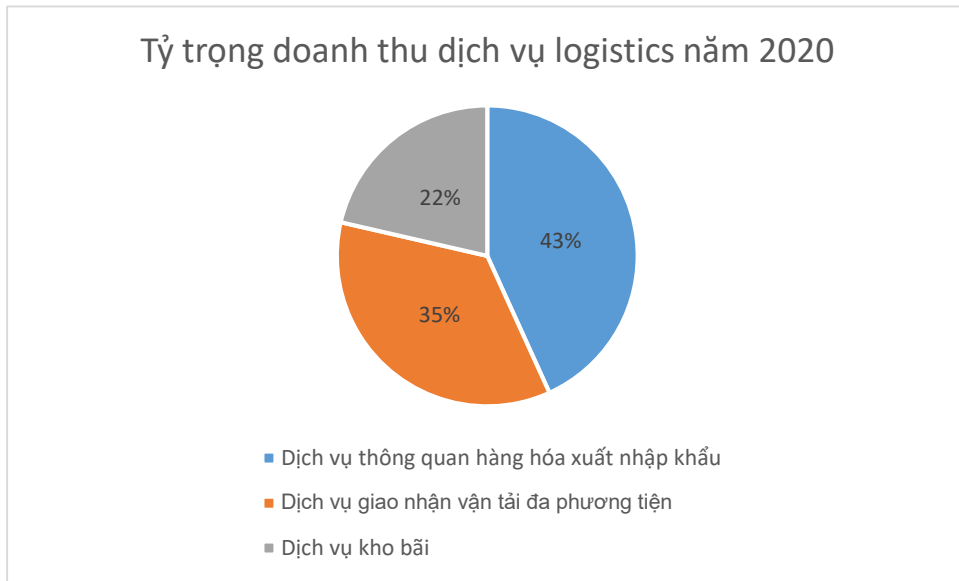
Bảng 2-1: Cơ cấu dịch vụ của Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Phương An 2020-2022

Nguồn: Phòng kế toán

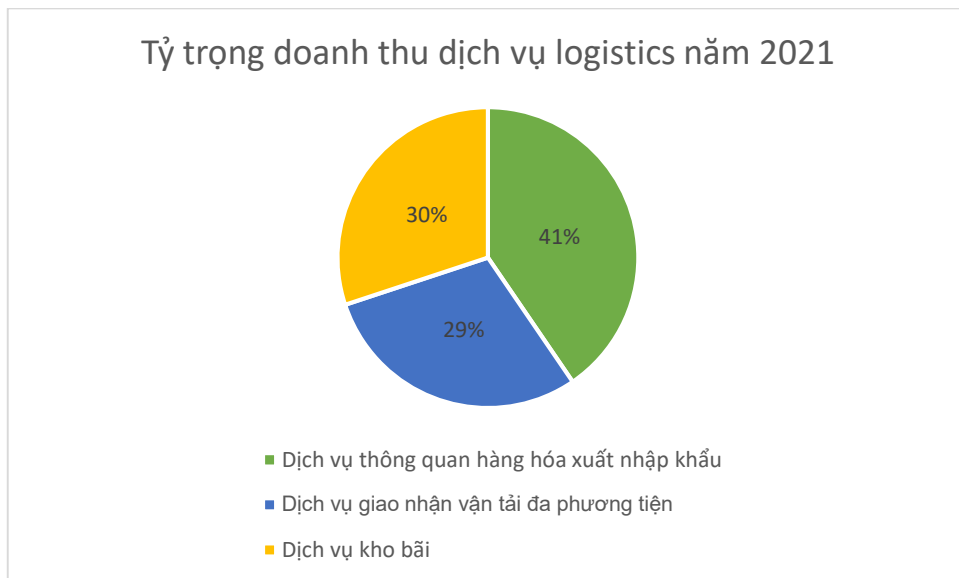
	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
	Doanh thu (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Dịch vụ logistics	1.005,83	70,71%	1.208,13	69,57%	1.365,1	69,72%
Dịch vụ thương mại	416,64	29,29%	528,46	30,43%	593,44	30,28%
Tổng cộng	1422,47	100%	1736,59	100%	1958,54	100%

Nhận xét: Dựa vào bảng số liệu cho thấy tổng doanh thu của công ty Phương An gia tăng tích cực từ năm 2020 đến năm 2022. Dịch vụ logistics chiếm tỷ trọng lớn hơn so với dịch vụ thương mại trong ba năm. Tỷ trọng dịch vụ logistics giảm từ 70,71% năm 2020 xuống 69,72% năm 2022; trong khi đó dịch vụ thương mại gia tăng từ 29,29% năm 2020 lên 30,28% năm 2022. Dù chỉ là sự thay đổi nhỏ, tỷ trọng doanh thu giữa 2 dịch vụ vẫn duy trì ở mức ổn định. Cụ thể:

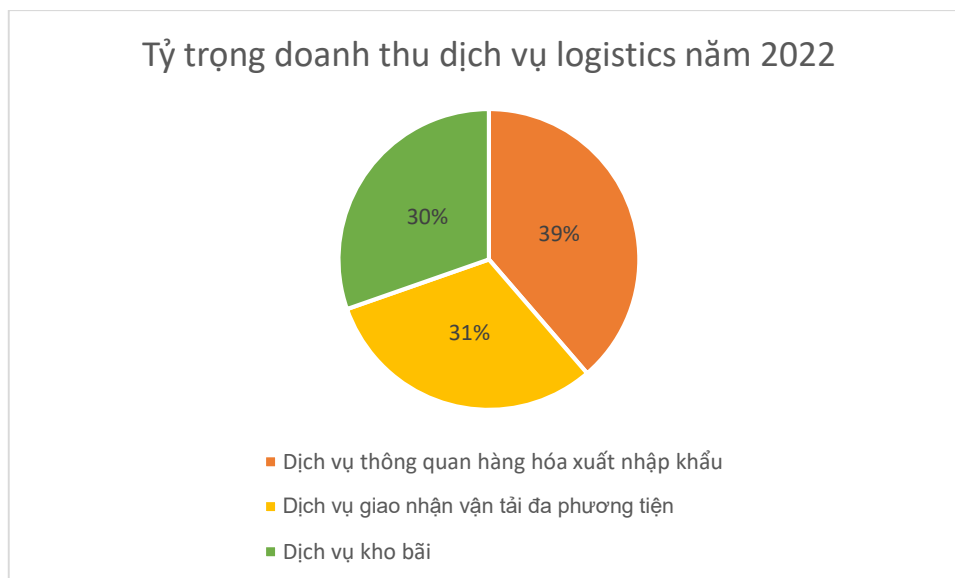
Đối với dịch vụ logistics:



Biểu đồ 2-1: Tỷ trọng doanh thu dịch vụ logistics năm 2020



Biểu đồ 2-2: : Tỷ trọng doanh thu dịch vụ logistics năm 2021



Biểu đồ 2-3: Tỷ trọng doanh thu dịch vụ logistics năm 2022

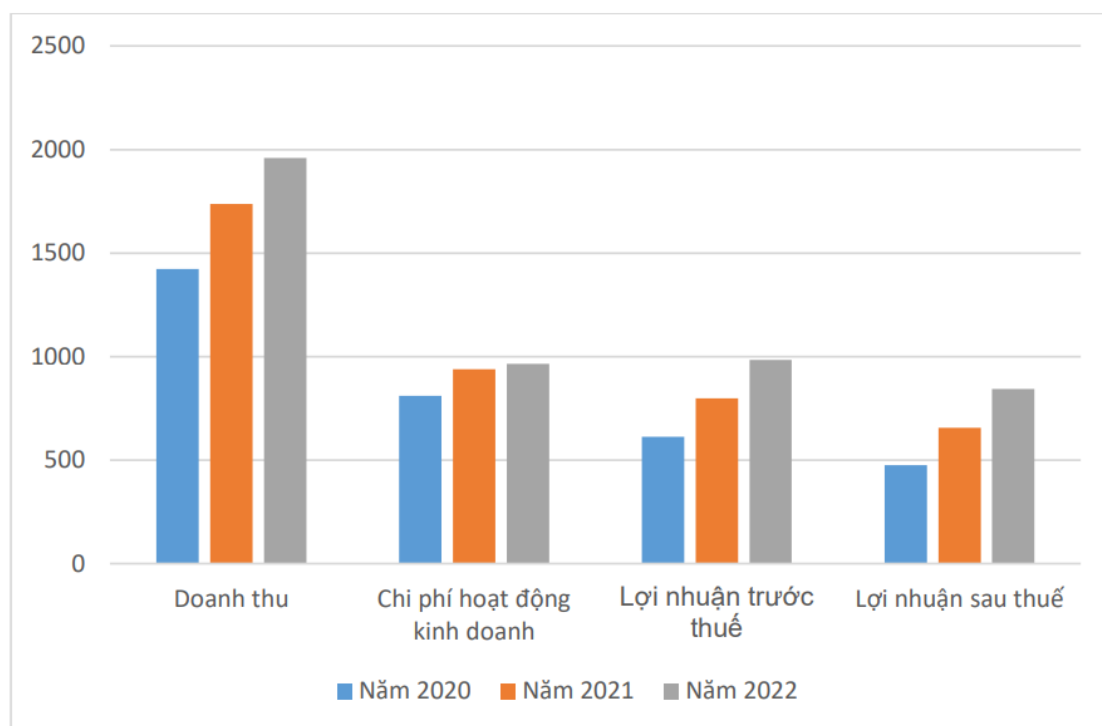
Nhận xét: Qua các biểu đồ từ 2020 – 2022 cho thấy thay đổi trong cơ cấu dịch vụ logistics của công ty Phương An. Dịch vụ kho bãi luôn duy trì ở mức ổn định, gần như không có sự thay đổi trong giai đoạn từ 2021 – 2022 (~30%). Dịch vụ giao nhận vận tải đa phương tiện tăng nhẹ từ 29% năm 2021 lên 31% năm 2022 do tăng cường hoạt động vận chuyển, khôi phục sau đại dịch covid-19. Còn dịch vụ thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu là dịch vụ thế mạnh của công ty, tuy nhiên có sự sụt giảm tỷ trọng trong giai đoạn này, dễ hiểu do sự biến động của thị trường xuất nhập khẩu hoặc thách thức trong quy trình thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu.

2.1.4.2. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty từ năm 2020-2022

Bảng 2-2: Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty từ năm 2020-2022

Đơn vị tính: Triệu đồng (Nguồn: Phòng kế toán)

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Doanh thu	1422,47	1736,59	1958,54
Chi phí hoạt động kinh doanh	809,61	938,42	963,95
Lợi nhuận trước thuế	612,86	798,17	983,46
Lợi nhuận sau thuế	474,71	655,26	842,57



Biểu đồ 2-4: Biểu đồ kết quả hoạt động kinh doanh của công ty 2020-2022

Nhận xét: Qua bảng số liệu và biểu đồ trên cho thấy hoạt động kinh doanh của công ty đạt kết quả tốt, so sánh giữa doanh thu với các chi phí hoạt động kinh

doanh và lợi nhuận trước và sau thuế thì công ty có mức lợi nhuận tăng dần qua từng năm.

Doanh thu năm 2020 so với năm 2021 tăng 22,08% tương đương 314,12 triệu đồng. Doanh thu năm 2021 so với năm 2022 tăng 12,78% tương đương 221,95 triệu đồng. Nguyên nhân chủ yếu doanh thu tăng là công ty đã tìm được khách hàng mới, đồng thời những khách hàng cũ luôn tin tưởng và tiếp tục lựa chọn công ty để cung cấp dịch vụ cho mình, ngoài ra công ty cũng mở rộng cung cấp các dịch vụ đa dạng bắt kịp với xu hướng thị trường với giá cả phải chăng.

Chi phí hoạt động kinh doanh tăng 15,91% tương đương 128,81 triệu đồng năm 2021 do công ty cần chi phí để đầu tư cơ sở hạ tầng kho, bãi, cơ sở vật chất của công ty nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong và ngoài nước. Năm 2022 chi phí chỉ tăng 2,72% tương đương 25,53 triệu đồng so với năm 2021. Sở dĩ chi phí này giảm nhiều vì các khoản cần thiết đã được chi năm 2021, góp phần giảm bớt chi phí vận hành cho doanh nghiệp và tăng lợi nhuận cho công ty.

Lợi nhuận trước thuế của công ty năm 2021 tăng 30,24% tương đương 185,31 triệu đồng kéo theo lợi nhuận sau thuế của công ty cũng tăng 38,03% tương đương 180,55 triệu đồng so với năm 2020. Lợi nhuận trước thuế năm 2022 tăng 23,21% tương đương 185,29 triệu đồng và theo đó lợi nhuận sau thuế của công ty cũng tăng 28,58% tương đương với 187,31 triệu đồng so với năm 2021. Điều này cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty đạt được khá cao, chứng tỏ rằng tầm nhìn và chiến lược kinh doanh của công ty là đúng đắn, bên cạnh đó là sự nỗ lực không ngừng của mỗi nhân viên góp phần vào sự thành công của công ty.

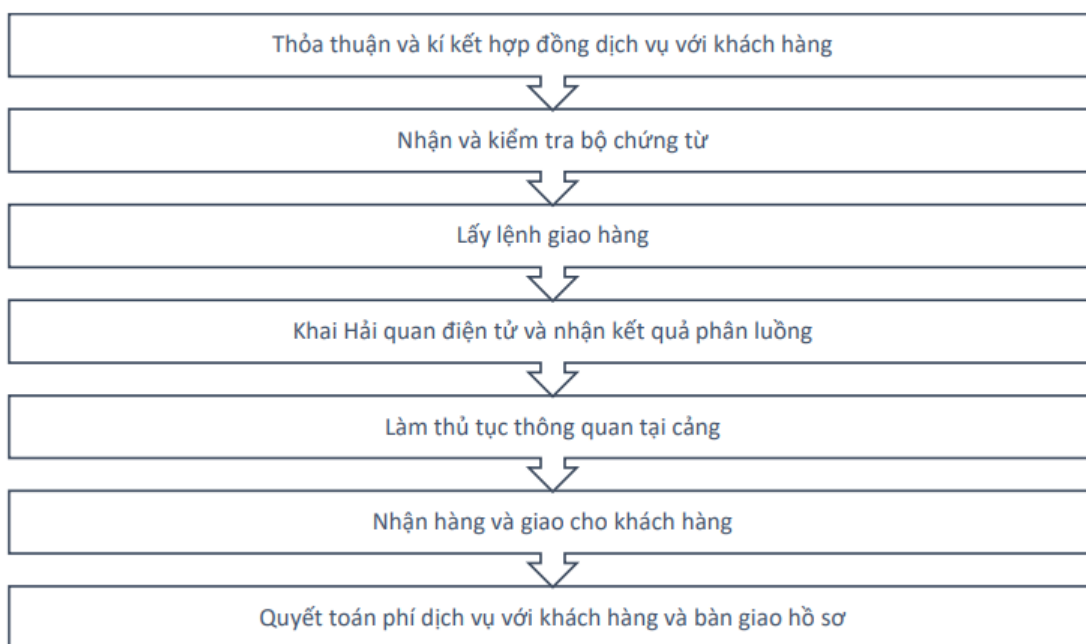
2.2. Thực trạng quy trình thông quan hàng hóa nhập khẩu tại Công Ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Phương An

2.2.1. Dịch vụ thông quan hàng hóa nhập khẩu

Đối với quá trình xuất nhập khẩu hàng hóa, nghiệp vụ khai báo Hải quan được coi là một phần quan trọng và không thể thiếu. Trong quá trình thực hiện thủ tục Hải quan, có nhiều vấn đề có thể phát sinh và đôi khi chúng có thể nằm ngoài

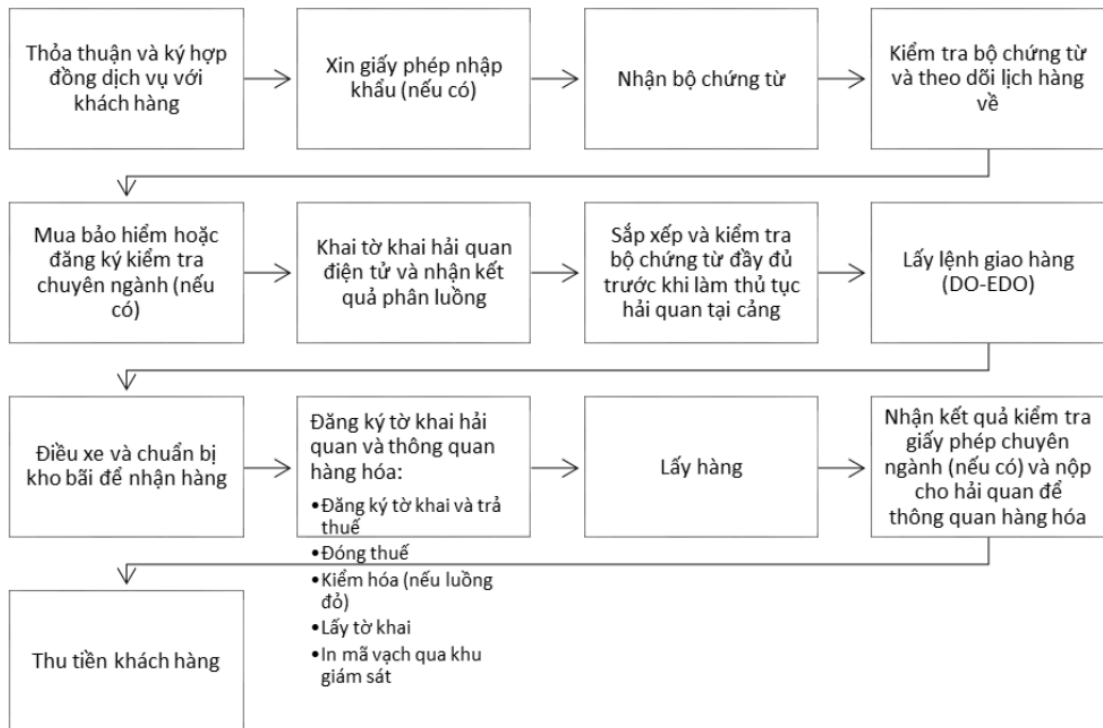
dự kiến của doanh nghiệp. Trong những trường hợp này, linh hoạt là yếu tố quan trọng để có thể giải quyết các vấn đề một cách hiệu quả nhất. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Hải quan đang chú trọng vào việc mang đến dịch vụ chất lượng cao, bao gồm cả việc tư vấn và thực hiện thủ tục Hải quan nhằm đảm bảo việc thông quan diễn ra một cách nhanh chóng và hiệu quả.

2.2.1.1. Quy trình thực hiện quá trình thông quan hàng hóa nhập khẩu



Sơ đồ 2-4: Sơ đồ quy trình nghiệp vụ giao nhận hàng hóa nhập khẩu

Ngoài 7 bước chính trên, quy trình nghiệp vụ còn có các bước phụ khác, cụ thể trong sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ 2-5: Sơ đồ chi tiết quy trình nghiệp vụ giao nhận hàng hóa nhập khẩu

(Nguồn: Tự tổng hợp)

2.2.1.2. Phân tích chi tiết quy trình thông quan hàng hóa nhập khẩu

❖ Bước 1: Thỏa thuận và kí kết hợp đồng dịch vụ với khách hàng:

Sau khi công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Phương An (gọi tắt là công ty Phương An) đồng ý các thỏa thuận, điều khoản trong hợp đồng sẽ kí kết hợp đồng. Công ty Phương An (công ty cung cấp dịch vụ) chịu trách nhiệm cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm tất cả các thủ tục hải quan, ký nhận thông báo thuế, biên lai nộp thuế, nhận chứng từ vận chuyên và quá trình giao nhận hàng hóa về kho riêng theo yêu cầu của khách hàng theo đúng thời hạn đã thỏa thuận trên hợp đồng. Đồng thời thông báo kịp thời, sớm nhất cho phía khách hàng nếu có xảy ra bất kỳ rủi ro nào xảy ra.

Phía khách hàng chịu trách nhiệm cung cấp mọi thông tin, chứng từ liên quan, cần thiết cho công ty Phương An đến khi hoàn tất thủ tục để nhận hàng. Đồng thời công ty Vạn Trường Phát phải thực hiện nghĩa vụ đóng thuế và trả phí dịch vụ cho công ty Phương An theo hợp đồng đã thỏa thuận.

❖ Bước 2: Nhận và kiểm tra bộ chứng từ:

Bộ chứng từ bao gồm:

- ✓ Hợp đồng mua bán (Sale contract)
- ✓ Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice)
- ✓ Phiếu đóng gói hàng hóa (Packing List)
- ✓ Vận đơn (Bill of lading)
- ✓ Thông báo hàng đến (Arrival Notice)
- ✓ Một số chứng từ liên quan khác

Công ty Phương An nhận bộ chứng từ từ phía khách hàng cung cấp và kiểm tra tính chính xác, tính đồng nhất và đầy đủ của bộ chứng từ.

❖ Bước 3: Lấy lệnh giao hàng:

Sau khi tàu cập cảng, nhân viên giao nhận công ty Phương An sẽ đến hãng tàu để lấy lệnh. Những chứng từ để nhân viên giao nhận lấy lệnh giao hàng: Giấy giới thiệu từ khách hàng, thông báo hàng đến, vận đơn gốc, chứng minh nhân dân người đi lấy lệnh.

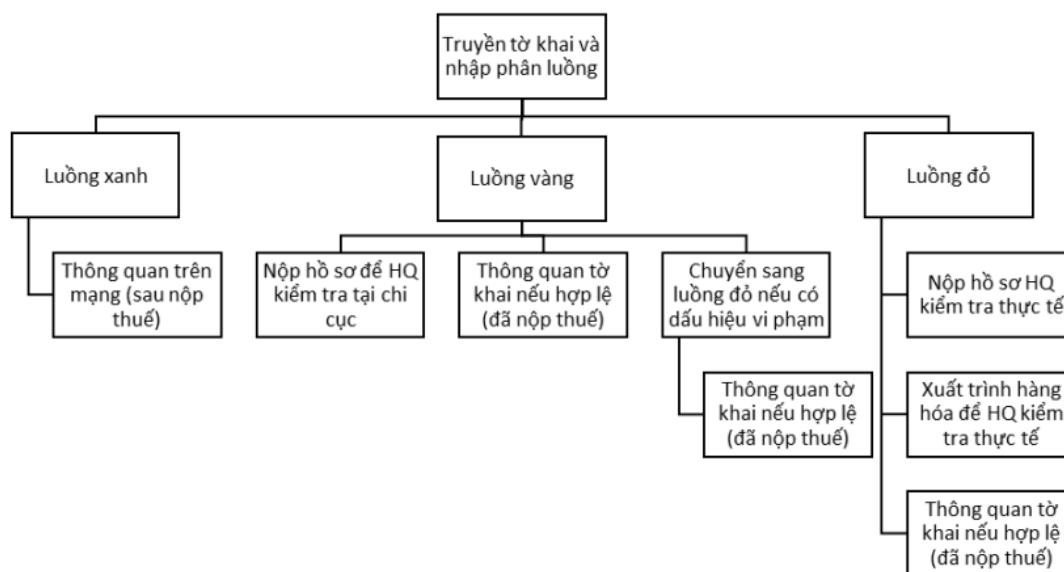
Sau khi nhận D/O, nhân viên công ty Phương An đối chiếu với vận đơn và thông báo hàng đến kiểm tra các thông tin tính chính xác và đồng nhất.

❖ Bước 4: Khai báo hải quan điện tử và nhận kết quả phân luồng:

Công ty Phương An thực hiện khai báo hải quan điện tử thông qua phần mềm ECUS5-VNACCS. Nhân viên khai báo hải quan sẽ dựa vào các chứng từ như sau khi khai hàng hóa nhập khẩu tại cảng hàng không: Hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói hàng hóa, vận đơn hàng không, để nhập thông tin tờ khai.

Tất cả các ô có dấu (*) màu đỏ là thông tin bắt buộc phải điền, nếu khai sai thì phải hủy tờ khai. Các ô màu xám là chỉ tiêu thông tin do hệ thống trả về hoặc chương trình tự tính vì vậy không cần nhập vào ô này. Nhập thông tin của tờ khai vào các tab “Thông tin chung, thông tin chung 2, danh sách hàng”.

Lấy kết quả phân luồng:



Sơ đồ 2-6: Phân luồng tờ khai

(Nguồn: Trung tâm đào tạo xuất nhập khẩu Tân Minh Trí)

Luồng xanh: Trường hợp nhận kết quả tờ khai phân luồng là luồng xanh, nhân viên giao nhận sẽ đi nộp thuế cho tờ khai này (hoặc thông báo cho nhà nhập khẩu để thực hiện nghĩa vụ đóng thuế). Sau đó, truy cập vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Hải Quan Việt Nam, vào mục “In bảng kê mã vạch phương tiện chứa hàng”, nhập mã số thuế của doanh nghiệp, số tờ khai, ngày của tờ khai mã Hải quan và nhận lấy thông tin để in 2 bản “Danh sách hàng hóa qua khu vực giám sát” và chuyển sang bước tiếp theo, thủ tục thông quan và lấy hàng.

Luồng đỏ: Trường hợp nhận kết quả tờ khai phân luồng là luồng đỏ, cơ quan Hải quan tiến hành kiểm tra chi tiết hồ sơ đồng thời kiểm tra chi tiết hàng hóa. Theo Thông tư 112/2005/TT-BTC có 3 mức độ kiểm tra thực tế:

Kiểm tra thực tế không nhiều hơn 5% lô hàng: được tiến hành nhằm kiểm định mức độ tuân thủ pháp luật Hải quan của chủ hàng, nếu phát hiện có dấu hiệu sai phạm thì kết thúc kiểm tra, nếu có thì tiếp tục kiểm tra cho đến khi xác định được mức độ vi phạm.

Kiểm tra thực tế 10% lô hàng: hàng hóa thuộc diện miễn kiểm tra thực tế nhưng cơ quan Hải quan qua phân tích thông tin phát hiện thấy có dấu hiệu sai phạm tiến hành kiểm định hàng hóa, nếu không sai phạm thì kết thúc quá trình kiểm tra, nếu có thì vẫn tiếp tục kiểm tra cho đến khi xác định được mức độ vi phạm.

Kiểm tra thực tế toàn bộ lô hàng: đối với hàng hóa mà chủ hàng nhiều lần vi phạm quy định về Hải quan. Sau quá trình kiểm định, nếu không phát hiện vi phạm, tờ khai được trả và tiếp tục quy trình như đối với hồ sơ luồng xanh.

Thực hiện nghiệp vụ khai trước thông tin tờ khai (IDA):

Sau khi đã nhập xong nội dung tờ khai nhấn ghi lại dữ liệu và chọn mã nghiệp vụ “2. Khai trước thông tin tờ khai (IDA)” để gửi thông tin. Lúc này, chương trình phần mềm sẽ yêu cầu doanh nghiệp xác nhận chữ ký số của doanh nghiệp khi khai báo, chọn chữ ký số từ danh sách và nhập vào mã pin của chữ ký số. Thành công, hệ thống sẽ trả về số tờ khai và bản copy của tờ khai bao gồm các thông tin về thuế được hệ thống tự tính và các thông tin còn thiếu khác.

Bước 6: Đăng ký chính thức tờ khai với cơ quan hải quan (IDC):

Sau khi đăng ký thành công bản khai trước thông tin tờ khai, nhân viên Phương An sẽ kiểm thông tin hệ thống trả về đã đúng chính xác, sau khi đã kiểm tra xong, nhân viên tiếp tục tiến hành đăng ký chính thức tờ khai với cơ quan Hải quan, chọn mã nghiệp vụ “3. Khai chính thức tờ khai (IDC)”.

Khi thực hiện bước này tờ khai sẽ được khai chính thức và được hệ thống hải quan đưa vào xử lý thông quan. Khi khai báo thành công, sẽ hiện lên khung kết quả “Khai báo tờ khai thành công”.

In tờ khai:

Sau khi nhận được kết quả xác nhận tờ khai được chấp nhận thông quan, nhân viên khai báo của công ty Phương An sẽ vào mục “Kết quả xử lý tờ khai” để in tờ khai hải quan điện tử để tiến hành các bước tiếp theo.

Sau khi hệ thống hải quan đã thông báo kết quả phân luồng, thuế xuất nhập khẩu sẽ được thể hiện trên hệ thống khai báo Hải quan điện tử ECUS5 –VNACCS. Nhân viên khai báo hải quan có nghĩa vụ gửi cho nhà nhập khẩu những chứng từ ghi số thuế phải thu để người nhập khẩu thực hiện nghĩa vụ đóng thuế cho lô hàng nhập khẩu của mình.

❖ **Bước 5: Làm thủ tục thông quan tại cảng:**

Sau khi nhân viên chứng từ hoàn thành đầy đủ và kiểm tra chính xác thông tin trên bộ chứng từ thì liên hệ với nhân viên giao nhận hiện trường để bàn giao chứng từ cho họ, để họ đến địa điểm nơi dỡ hàng của phương tiện vận chuyển để hoàn thành công tác nhận hàng. Bộ chứng từ bệnh nhân viên giao nhận hiện trường thực hiện nhận hàng bao gồm: Tờ khai hải quan hàng nhập khẩu, giấy giới thiệu của khách hàng, hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói hàng hóa, giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước, vận đơn gốc, giấy ủy quyền, phiếu đăng ký kiểm hóa.

Sau đó nhân viên giao nhận hiện trường sẽ đến chi cục Hải quan thực hiện các thủ tục thông quan tại cơ quan Hải quan. Sau khi tiến hành kiểm tra bộ chứng từ nhận thấy hợp lệ, không có sai sót Hải quan sẽ chuyển hồ sơ sang bộ phận kiểm hóa, bộ phận kiểm hóa sẽ phụ trách nhập máy số tờ khai kiểm hóa. Tiếp theo nhân viên giao nhận hiện trường sẽ tiến hành đến kho thực hiện các thủ tục kiểm hóa hàng sau để nhận hàng:

- (1) Chuyển bộ hồ sơ tiếp nhận sang khu vực Hải quan kho, ở giai đoạn này toàn bộ hồ sơ đều là giấy tờ gốc liên quan đến lô hàng. Sau đó đăng ký kiểm hóa hàng với Hải quan máy soi.
- (2) Sau khi Hải quan kho đã xác nhận lại thông tin lô hàng, Hải quan sẽ tiếp hành bấm seal Hải quan để tránh tình trạng nhầm lẫn hàng hóa trên đường đi kiểm hóa cont.

(3) Ở khu vực soi container, cơ quan Hải quan máy soi sẽ tiến hành việc kiểm tra các thông tin quan trọng như số cont, số seal. Nhân viên giao nhận hiện trường đại diện khách hàng đăng kí trực tiếp với Hải quan máy soi để hoàn thiện quá trình kiểm tra container. Tiếp đó, Hải quan máy soi sẽ thực hiện kiểm tra hàng hóa trong cont bằng các thiết bị chuyên dụng.

(4) Sau khi đã kiểm tra xong, trường hợp hàng hóa trong cont không có dấu hiệu sai phạm, Hải quan máy soi sẽ hoàn thiện hồ sơ và cho phép lấy hàng. Trường hợp có dấu hiệu sai phạm, cont sẽ được yêu cầu trả về Hải quan kho để xử lí.

❖ **Bước 6: Nhận hàng và giao cho khách hàng:**

Sau khi nhận hàng tại kho, nhân viên giao nhận sẽ liên hệ với phòng vận tải của công ty để điều phối phương tiện vận tải đến đưa hàng về nơi chỉ định theo thỏa thuận với khách hàng. Kiểm tra hàng hóa đúng và đầy đủ kèm theo bộ chứng từ, đại diện 2 bên sẽ kí vào biên bản bàn giao hàng hóa để chứng minh hàng hóa đã được giao.

❖ **Bước 7: Quyết toán phí dịch vụ với khách hàng và bàn giao hồ sơ**

Sau khi hoàn tất thủ tục hải quan thông quan hàng hóa và giao hàng về kho cho khách hàng, kết thúc công việc giao nhận, nhân viên giao nhận sẽ mang bộ chứng từ, hóa đơn, biên lai thanh toán chi phí liên quan đến lô hàng giao cho bộ phận chứng từ. Bộ phận chứng từ photo các chứng từ và hóa đơn liên quan đến lô hàng lưu văn thư để đề phòng trường hợp khiếu nại (nếu có), bộ chứng từ, hóa đơn và biên lai gốc thì nộp lại cho phòng kế toán của công ty Phương An. Bộ phận kế toán sẽ kiểm tra thông tin các hóa đơn, chứng từ, sau khi kiểm tra xong sẽ làm giấy “Đề nghị thanh toán” và gửi lên cho giám đốc phê duyệt để thanh toán với chủ hàng.

Sau khi bàn giao lại hồ sơ cho khách hàng, bộ phận chứng từ sẽ lập phiếu bàn giao chứng từ có xác nhận của chữ ký 2 bên. Sau đó, hoàn trả lại bộ hồ sơ với những chứng từ có liên quan kèm theo giấy tờ đề nghị thanh toán, yêu cầu chủ hàng thanh toán.

2.2.1.3. Phân tích SWOT quy trình dịch vụ thông quan hàng hóa nhập khẩu

ĐIỂM MẠNH	ĐIỂM YẾU
<ul style="list-style-type: none"> ✓ Quy trình đáp ứng yêu cầu của Tổng cục Hải quan Việt Nam ✓ Đội ngũ nhân viên có kinh nghiệm ✓ Mạng lưới kết nối ổn định với các bên liên quan trong quy trình ✓ Áp dụng công nghệ vào quy trình 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao ✓ Hạn chế về cơ sở vật chất
CƠ HỘI	THÁCH THỨC
<ul style="list-style-type: none"> ✓ Cải thiện cơ sở hạ tầng ✓ Sự phát triển của thương mại điện tử ✓ Ứng dụng công nghệ cao ✓ Nhu cầu về dịch vụ logistics chuyên nghiệp ✓ Tăng quy mô thị trường logistics do tăng hoạt động xuất nhập khẩu 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Hạn chế về cơ sở hạ tầng ✓ Hạn chế về nhân lực và đào tạo ✓ Chi phí đầu tư công nghệ ✓ Quản lý chuỗi cung ứng phức tạp ✓ Cạnh tranh gay gắt ✓ Sự thay đổi trong yêu cầu mong đợi của khách hàng ✓ Bất cập trong chính sách với ngành logistics

➤ **Điểm mạnh:**

Quy trình đáp ứng yêu cầu của Tổng cục Hải quan Việt Nam: Quy trình đáp ứng yêu cầu của cục Hải quan giúp cơ quan Hải quan dễ dàng kiểm soát luồng

hàng hóa nhập khẩu, cũng như hỗ trợ công ty giải quyết mọi vấn đề một cách thuận lợi, giảm áp lực phía công ty và cơ quan Hải quan.

Đội ngũ nhân viên có kinh nghiệm: Đội ngũ nhân viên lâu năm của công ty Phương An có nhiều kinh nghiệm thực hiện quy trình thông quan một hàng hóa nhập khẩu. Sự phối hợp đồng bộ, hiệu quả giữa các phòng ban, bộ phận; khả năng linh hoạt để thích nghi với những thay đổi, cải tiến liên tục trong quy định Hải quan, tối ưu thời gian và chi phí.

Mạng lưới kết nối ổn định với các bên liên quan trong quy trình: Khách hàng chủ yếu của công ty Phương An là khách hàng cũ, khách hàng quen thuộc nên có mối liên kết, cả với cơ quan Hải quan giúp công ty tận dụng các ưu điểm cộng đồng và tối ưu hóa quy trình thông quan hàng hóa.

Áp dụng công nghệ vào quy trình: Sử dụng phần mềm khai báo Hải quan điện tử (ECUS5-VNACCS) đúng với quy định của tổng cục Hải quan. Bên cạnh đó, công ty cũng đã chủ động tìm hiểu và vận dụng những giải pháp công nghệ mới, như hệ thống kho hàng điện tử (EWMS), cổng điện tử ePort do Tân cảng Sài Gòn triển khai giúp công ty theo dõi, giám sát tình trạng hàng hóa một cách tối ưu, đồng thời giúp làm tinh gọn quy trình ở một số bước, thủ tục phức tạp trở nên nhanh chóng, thuận tiện hơn.

➤ **Điểm yếu:**

Thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao: Tuy đội ngũ nhân sự của công ty Phương An có kinh nghiệm lâu năm nhưng chất lượng chưa thật sự đồng đều, đặc biệt là khả năng ngoại ngữ còn hạn chế. Đến thời điểm hiện tại công ty vẫn chưa có tập trung đầu tư mạnh cho những khóa đào tạo nghiệp vụ ngắn hạn, hầu hết nhân viên trau dồi trình độ chuyên môn nghiệp vụ thông qua quá trình làm việc thực tế.

Hạn chế về cơ sở vật chất: Phòng vận tải công ty Phương An đang sở hữu 2 xe tải, xe đầu kéo container 20 feet thực hiện công tác vận chuyển hàng hóa. Tuy nhiên, đây là một hạn chế trong cơ sở vật chất của công ty, đặc biệt trong những trường hợp phục vụ cho nhu cầu vận chuyển lớn hoặc trong những đợt tăng cường

dịch vụ. Điều này gây ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhanh chóng đối với các yêu cầu vận chuyển, mà hiện tại công ty vẫn chưa có kế hoạch đầu tư dài hạn. Ngoài ra, rủi ro hỏng hóc, sự cố kỹ thuật và chi phí bảo trì cũng cần được chú trọng hơn nữa.

➤ **Cơ hội:**

Cải thiện cơ sở hạ tầng: Bao gồm hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ, đường sắt và hệ thống cảng biển, theo Nghị quyết số 163/NQ-CP của chính phủ Việt Nam đã cam kết đầu tư mạnh mẽ. Tạo ra cơ hội vận dụng công nghệ mới và quy trình mới vào việc quản lý và vận hành hệ thống logistics.

Sự phát triển của thương mại điện tử: Theo báo cáo Thương mại điện tử Việt Nam 2023 của Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số; doanh thu bán lẻ thương mại điện tử tại Việt Nam đạt 16,4 tỷ USD vào năm 2022; 7,5%/tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng toàn quốc. Sự bùng nổ trong thương mại điện tử mở ra cơ hội cho các doanh nghiệp logistics có thể áp dụng các giải pháp sáng tạo trong quá trình xử lý; vận chuyển và giao hàng.

Ứng dụng công nghệ cao: Tại thời điểm này, cơ quan Hải quan đã có nhiều cải cách hiện đại hóa, tích cực đẩy mạnh ứng dụng CNTT. Tổng cục Hải quan đã thành công trong việc xây dựng một hệ thống công nghệ thông tin hoạt động ổn định, đi vào khuôn khổ. Bao gồm việc thực hiện thủ tục hải quan, nộp thuế, quản lý hàng hóa tại cảng, quản lý rủi ro, kiểm tra sau thông quan, xử phạt vi phạm, cung cấp dịch vụ công trực tuyến,... Bên cạnh đó, Tân cảng Sài Gòn đã hoàn thiện việc phát triển nhiều sản phẩm tiên tiến nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp trong hoạt động xuất nhập khẩu. Trong đó, cảng đã triển khai cổng điện tử ePort, do phép các doanh nghiệp thực hiện các chức năng khai báo hàng hóa như giao nhận container, đăng ký tàu xuất, theo dõi tình trạng thông quan. Và, cảng đưa vào sử dụng hệ thống quản lý kho hàng điện tử (EWMS) để quản lý và giám sát tình trạng hàng hóa một cách tối ưu hóa hiệu quả và an toàn. Hỗ trợ các doanh nghiệp chủ động hơn về thời gian, giảm chi phí và đáp ứng tiêu chuẩn chung của thị trường.

Nhu cầu về dịch vụ logistics chuyên nghiệp: Trong bối cảnh kinh tế và thương mại phát triển, nhu cầu về sử dụng dịch vụ logistics chuyên nghiệp ngày càng gia tăng. Mở ra cơ hội cho các doanh nghiệp logistics cung cấp các giải pháp đổi mới sáng tạo, bao gồm dịch vụ vận chuyển, lưu trữ đến quản lý chuỗi cung ứng.

Tăng quy mô thị trường logistics do tăng hoạt động xuất nhập khẩu: Theo Agility, chỉ số logistics thị trường mới nổi năm 2023, Việt Nam xếp thứ 10 trên tổng 50 thị trường. Với tốc độ tăng trưởng ngành hàng năm từ 14% đến 16%, cải thiện cả về chất lượng và số lượng dịch vụ logistics, đưa tổng kim ngạch xuất nhập khẩu nước ta lên 732,5 tỷ USD năm 2022; tăng 9,5% so với 2021.

➤ **Thách thức:**

Hạn chế về cơ sở hạ tầng: Cơ sở hạ tầng hệ thống giao thông tại Việt Nam đang thiếu và yếu kém so với nhu cầu phát triển của đất nước, đặc biệt là đối với vận tải đường bộ, không đáp ứng được quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa ngày càng tăng của Việt Nam. Điều này dẫn đến tình trạng quá tải và ùn ứ giao thông, hơn nữa, hệ thống vận tải biển cũng chưa khai thác hết tiềm năng để có thể giảm bớt áp lực cho vận tải đường bộ.

Hạn chế về nhân lực và đào tạo: Theo khảo sát từ Viện Nghiên cứu phát triển TP.HCM; về chất lượng nhân lực ngành logistics; có tới 53,3% doanh nghiệp thiếu hụt đội ngũ nhân viên đáp ứng đủ trình độ chuyên môn lẫn kiến thức về logistics; 30% doanh nghiệp phải tiến hành đào tạo lại nhân viên và chỉ 6,7% doanh nghiệp hài lòng với chất lượng nhân sự của mình hiện tại. Quy mô đào tạo nhân lực dài hạn và ngắn hạn không đủ để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho ngành này; thực tế có tới 85,7% doanh nghiệp logistics tại Việt Nam phải tự thực hiện quá trình đào tạo và bồi dưỡng nhân lực bằng cách thực hành trực tiếp thông qua công việc. Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp logistics có quy mô lớn đã tập trung đầu tư xây dựng trung tâm đào tạo riêng để đảm bảo nguồn nhân lực, từ đó đạt được mục tiêu phát triển.

Chi phí đầu tư công nghệ: Hiện nay chỉ có khoảng 40% doanh nghiệp áp dụng công nghệ khác nhau vào hoạt động của doanh nghiệp, phụ thuộc vào quy

mô và đặc điểm của loại hình dịch vụ mà họ cung ứng. Thực trạng này đặt ra một thách thức cho Việt Nam, cần đến sự đầu tư mạnh mẽ hơn để tận dụng và bắt kịp nền tảng công nghệ tiên tiến trong sản xuất, phân phối và từ đó thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế.

Cạnh tranh gay gắt: Theo thông tin doanh nghiệp tại diễn đàn đầu tư – kinh doanh, tính đến năm 2023, Việt Nam có khoảng 35.000 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics, trong đó có 5.000 doanh nghiệp được đánh giá là chuyên nghiệp với dịch vụ được đánh giá cao. Nhưng, với thời điểm đối diện với tình hình biến động kinh tế thế giới như hiện nay, khi nhu cầu giảm, đặt ra thách thức lớn cho hầu hết các doanh nghiệp đẩy mạnh sức cạnh tranh trên thị trường.

Sự thay đổi trong yêu cầu mong đợi của khách hàng: Kỳ vọng của khách hàng đối với các dịch vụ logistics ngày càng tăng cao, đặt ra tính cấp thiết về sự linh hoạt, đáp ứng nhanh chóng và tối ưu từ các doanh nghiệp logistics. Buộc họ phải không ngừng cải tiến quy trình, nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng đúng những yêu cầu ngày càng cao đó của khách hàng.

Bất cập trong chính sách với ngành logistics: Cấu trúc trong thể chế, chính sách pháp lý liên quan đến lĩnh vực logistics vẫn chưa có sự đồng bộ, rõ ràng, còn vướng nhiều bất cập gây khó khăn trong việc tạo điều kiện hỗ trợ cho sự phát triển của logistics. Mặc dù các cơ quan quản lý nhà nước đang thực hiện nhiều biện pháp cải cách mục đích làm tinh gọn những thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại, nhưng thực tế cho thấy nhiều khó khăn liên quan đến thủ tục thông quan gây chậm trễ trong quá trình luân chuyển hàng hóa, đồng thời làm tăng chi phí doanh nghiệp.

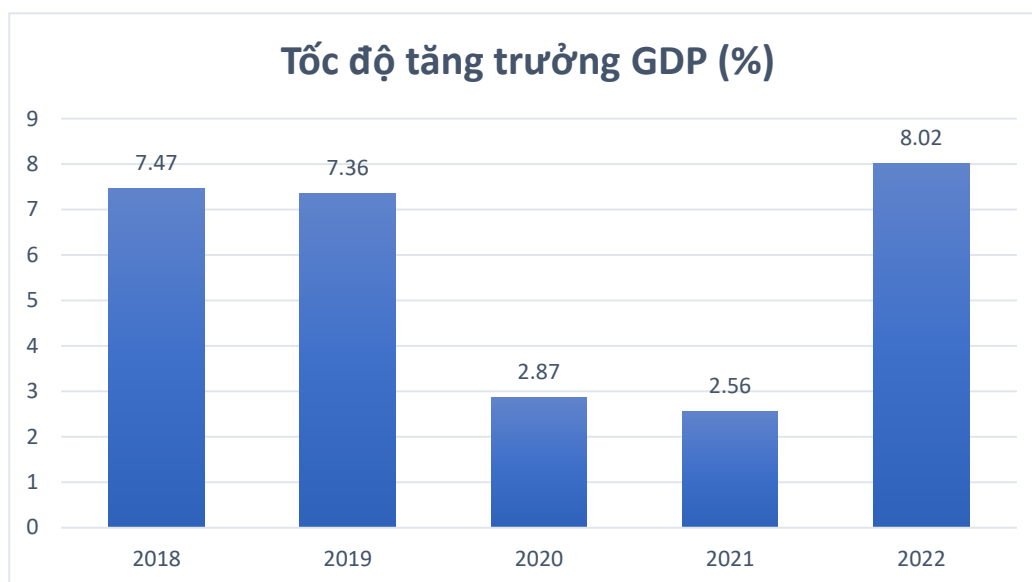
2.3. Những nhân tố gây khó khăn, hạn chế trong cải tiến hiệu quả của quy trình dịch vụ thông quan hàng hóa nhập khẩu tại Công Ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Phương An

2.3.1. Nhân tố bên ngoài

❖ *Kinh tế:*

Môi trường kinh tế là một hệ thống hỗn hợp nhiều yếu tố có tác động sâu rộng và đa chiều đối với hoạt động các ngành của mỗi quốc gia. Các yếu tố chính thuộc môi trường kinh tế bao gồm: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lãi suất, chính sách tiền tệ và tỷ giá hối đoái, lạm phát, kim ngạch xuất nhập khẩu, cơ sở hạ tầng.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế:



Biểu đồ 2-5: Biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế 2018-2022

Nguồn: VnEconomy

Mặc dù bị chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch COVID – 19 năm 2020 và 2021 nhưng Việt Nam vẫn nằm trong nhóm nước đứng đầu về chỉ số phát triển GDP dương. Tuy vậy, thực tế này vẫn có tác động tiêu cực tới việc nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh dịch vụ logistics của công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Phương An, nguyên do giãn cách xã hội dẫn đến giảm nhu cầu vận chuyển và ảnh hưởng đến doanh thu của công ty. Tuy nhiên trong năm 2022, tốc độ phục hồi của nền kinh tế rất tốt cho thấy có nhiều dấu hiệu tích cực đối với các doanh nghiệp nói chung và công ty Phương An nói riêng.

Lãi suất, chính sách tiền tệ, tỷ giá hối đoái và lạm phát

Ngân hàng nhà nước Việt Nam chủ trương, linh hoạt trong việc ổn định thị trường tiền tệ, đồng thời đối mặt với xu hướng lạm phát và sự tăng cao lãi suất trên toàn cầu. Mặc dù kiểm soát lạm phát và bảo vệ tỷ giá thành công nhờ chính sách

tiền tệ nhưng nó đã mang theo những rủi ro đối với hệ thống ngân hàng. Không thể không nhắc đến sự đứt gãy niềm tin trên thị trường và tài chính trong quý III và quý IV năm 2022 và cho đến thời điểm hiện tại, thị trường vẫn chưa thực sự hồi phục.

Mức lãi suất neo cao, lãi suất huy động dao động từ 9-10% và lãi suất cho vay ở khoảng 13-15%, thậm chí khả năng cao hơn nữa, tạo nên khó khăn về giá vốn mà hầu hết các doanh nghiệp khó lòng chịu đựng được trong thời gian dài. Nếu tình trạng lãi suất cao không thể giải quyết sớm khả năng nợ xấu và rủi ro hệ thống có thể gia tăng nhanh chóng, đe dọa đến sự ổn định của hệ thống tài chính. Điều này gây bất lợi không nhỏ đến công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Phương An, vì vay vốn là một trong những nguồn vốn có chi phí thấp nhất cho doanh nghiệp, nên đối với việc giảm tỷ trọng vốn chủ sở hữu và tăng tỷ trọng vốn vay là điều dễ hiểu. Thêm vào đó, việc lãi suất tăng cũng đồng nghĩa với việc khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn vay, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ như công ty Phương An. Trong tình huống thiếu vốn, mọi hoạt động của công ty, đặc biệt là những hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trở nên khó khăn hơn. Nâng cao hiệu quả hoạt động thường đòi hỏi phải đầu tư một lượng vốn đáng kể để thực hiện. Do đó biến động tăng của lãi suất đối với vốn vay có tác động tiêu cực đến quá trình nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty. (Tin bộ Tài chính -05/04/2023)

Kim ngạch xuất nhập khẩu

Theo số liệu từ Cục Hàng hải, ước tính 11 tháng năm 2021, tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển Việt Nam ước đạt 647 triệu tấn, tăng trưởng 2% so với cùng kỳ năm 2020. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2022 đạt 732,5 tỷ USD; so với năm trước đó tăng 9,5%; trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt 371,85 tỷ USD; tăng 10,4%. Đây là những dấu hiệu tích cực từ hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, các doanh nghiệp Việt Nam cũng dần có chiều hướng gia tăng hoạt động xuất khẩu. Điều này có tác động tích cực đến công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Phương An. Sự gia tăng đáng kể trong xuất nhập khẩu của

Việt Nam góp phần thúc đẩy cho hoạt động kinh doanh dịch vụ logistics liên quan đến lĩnh vực xuất nhập khẩu của công ty Phương An.

Cơ sở hạ tầng

Hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển đồng bộ và hiện đại đóng góp tích cực vào việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề xã hội. Ngược lại, hệ thống cơ sở hạ tầng kém phát triển sẽ làm hạn chế đối với quá trình phát triển.

Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông tại Việt Nam chủ yếu có quy mô nhỏ, chưa có sự đồng bộ và chưa đạt được mức độ kết nối hoàn chỉnh, còn rời rạc. Khả năng trong việc đáp ứng nhu cầu giao thông và mức độ an toàn vẫn còn hạn chế.

Trong những năm gần đây, tình hình phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam khá ổn định, đồng thời hiện rõ dấu hiệu khởi sắc. Nợ công đang có xu hướng giảm, cơ sở hạ tầng được quan tâm chú trọng đầu tư, đặc biệt là hạ tầng giao thông. Đến nay một phần của các nỗ lực đầu tư này đã đáp ứng được phần nào nhu cầu phát triển kinh tế xã hội hiện tại của đất nước.

Hệ thống kết cấu hạ tầng được cải thiện, điều này đóng góp tích cực vào việc giảm chi phí vận chuyển, hỗ trợ thông tin liên lạc và đảm bảo sự liên tục trong hệ thống điện nước. Những điều kiện thuận lợi này giúp công ty Phương An tối ưu hóa hiệu quả hoạt động thông qua cắt giảm các chi phí liên quan đến đường bộ và giảm rủi ro trên các tuyến đường.

❖ Chính trị - pháp luật:

Nền chính trị Việt Nam được đánh giá là ổn định và hệ thống pháp luật tương đối hoàn chỉnh. Việt Nam theo đuổi đường lối ngoại giao độc lập, tự chủ, hòa bình và duy trì mối quan hệ tốt đẹp với các quốc gia trên thế giới. Quan điểm này hỗ trợ Việt Nam có vị trí nhất định, đồng thời giúp các doanh nghiệp Việt Nam kinh doanh ổn định trên thị trường kinh doanh quốc tế, trong đó có công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Phương An.

❖ Công nghệ:

Có khoảng 50 đến 60% doanh nghiệp hiện nay đã áp dụng các loại công nghệ khác nhau, điều này tùy thuộc vào quy mô và tính chất dịch vụ của từng doanh nghiệp. Tuy nhiên, thách thức lớn nhất đối với các doanh nghiệp khi triển khai công nghệ thông tin vẫn là khả năng tài chính.

Bảng 2-3: Tình hình áp dụng công nghệ thông tin ở các doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực logistics

Nguồn: VLR – Vietnam logistics review

STT	Ứng dụng CNTT	Thực hiện (%)	Kỳ vọng thực hiện trong tương lai gần (%)	Không có nhu cầu (%)
1	Logistics thông minh	6,1	29,7	64,2
2	Logistics xanh	5,4	27	67,6
3	Logistics cho TMĐT	10,8	27	62,2
4	Thương mại điện tử	15,5	23,6	60,8
5	Logistics điện toán đám mây	10,8	23,6	65,5
6	Theo dõi và truy xuất	38,5	14,9	46,6
7	Hệ thống quản lý giao nhận	41,9	14,9	43,2
8	Quản lý đơn hàng	16,9	20,3	62,8
9	Quản lý nhân sự	26,4	20,9	52,7
10	Hệ thống quản lý kho hàng	34,5	20,3	45,3
11	Hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử	31,8	14,9	53,4
12	Hệ thống quản lý vận tải	37,6	22,1	40,3
13	Khai báo Hải quan	75,2	54,0	19,5
14	Soi mã vạch	27	24,3	48,6
15	Nhận dạng bằng sóng vô tuyến	4,7	18,9	76,4

Từ kết quả bảng 2-3 cho thấy, 75,2% doanh nghiệp thực hiện khai báo Hải quan điện tử, là một trong những quy định chung bắt buộc đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Những ứng dụng công nghệ còn lại cơ bản đều dưới mức trung bình. Điều này chỉ rõ hạn chế của ứng dụng công nghệ thông tin trong các doanh nghiệp logistics tại Việt Nam, cho thấy các doanh nghiệp chưa theo kịp với nhu cầu phát triển và xu thế hiện đại. Hơn nữa, những ứng dụng công nghệ mang tính phát triển bền vững như logistics thông minh và logistics xanh chỉ đạt tương ứng 6,1% và 5,4% cho thấy rõ hạn chế trong việc áp dụng công nghệ và xây dựng cơ sở dữ liệu. Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu logistics cũng không ngoại lệ, khả năng công nghệ của công ty còn nhiều bất cập, cần có những giải pháp mang tính lâu dài ở hạn mục này (VLR – Vietnam logistics review).

2.3.2. Nhân tố bên trong

❖ Tài chính

Phân tích tài chính trong doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin cho nhà quản lý tài chính doanh nghiệp, giúp họ đánh giá hiệu quả hoạt động trong công tác quản lý tài chính. Việc này không chỉ đo lường hiệu quả lợi nhuận, mà còn đánh giá khả năng giải quyết rủi ro và thanh khoản, cùng với khả năng dự báo tài chính trong tương lai. Thu thập thông tin từ quá trình phân tích cung cấp dữ liệu cần thiết để kiểm tra và giám sát các hoạt động quản lý, đồng thời hỗ trợ các nhà quản lý trong việc đưa ra các quyết định kinh doanh có hiệu suất cao hơn.

Cơ cấu tài chính công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Phương An chủ yếu là các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, chủ yếu là do công ty kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ. Công ty cần quan tâm đến các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính liên quan đến doanh nghiệp của mình, từ đó đưa ra những quyết định tài chính đúng đắn.

❖ *Nguồn nhân lực:*

Nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển lâu dài của công ty, yếu tố nhân sự luôn đóng vai trò chủ lực, quyết định đến sự tồn tại và phát triển. Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Phương An luôn chú trọng đến chất lượng nguồn nhân lực. Để có được lực lượng nhân sự chuyên nghiệp và gắn bó lâu dài với công ty, công ty luôn quan tâm xây dựng chế độ lao động và lương thưởng hợp lý, tuân thủ quy định nội bộ công ty và quy định của pháp luật đối với người lao động. Đồng thời kết hợp lên các kế hoạch đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu, chính sách tuyển dụng phù hợp với nhu cầu thực tế của công ty.

❖ *Hệ thống thông tin:*

Hệ thống thông tin là công cụ liên kết giữa các bộ phận trong doanh nghiệp với nhau, hỗ trợ nhau trong các công tác điều hành hoạt động của doanh nghiệp. Các thông tin và dữ liệu được lưu hành nội bộ đóng vai trò quan trọng, tạo nền tảng cơ sở dữ liệu cho quá trình đưa ra quyết định của doanh nghiệp. Bằng các phân tích dữ liệu, doanh nghiệp có thể cải thiện hoạt động kinh doanh của mình, đồng thời nâng cao khả năng cạnh tranh với các đối thủ.

Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Phương An đang trong quá trình tiếp cận những công nghệ mới nhất, công ty đã đưa vào áp dụng một số ứng dụng công nghệ thông tin vào quy trình hoạt động của mình. Tuy nhiên, nguồn lực tài chính đầu tư cho công nghệ của công ty còn hạn chế, chưa bắt kịp xu hướng phát triển, cần có kế hoạch cải thiện và đồng bộ hệ thống để đạt được mục tiêu phát triển dài hạn trong tương lai.

❖ *Cơ sở vật chất:*

Yếu tố cơ sở hạ tầng là những nguồn lực hữu hình luôn đóng vai trò quan trọng giúp giữ chân nhân viên, trang thiết bị đầy đủ, điều kiện làm việc phù hợp sẽ giúp nhân viên thoải mái dẫn đến sự tập trung cho công việc, vì vậy yếu tố này cần được doanh nghiệp đặc biệt quan tâm. Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Phương An có cơ sở vật chất đáp ứng được nhu cầu làm việc cơ bản cho nhân viên, có sự đầu tư cơ sở vật chất. Tuy nhiên, việc đáp ứng mục tiêu

nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty đòi hỏi công ty phải không ngừng chú trọng đầu tư dài hạn cho vấn đề này.

TÓM TẮT CHƯƠNG 2

Chương 2 của khóa luận nêu tổng quan và khái quát tình hình hoạt động kinh doanh của công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Phương An. Bên cạnh đó, mô tả chi tiết quy trình thông quan hàng hóa nhập khẩu của công ty và đánh giá quy trình. Chương 2 còn phân tích các yếu tố bên trong lẫn bên ngoài tác động tới định hướng và sự phát triển trong dài hạn của công ty.

CHƯƠNG 3: NHỮNG GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN HIỆU QUẢ QUY TRÌNH DỊCH VỤ THÔNG QUAN HÀNG HÓA NHẬP KHẨU TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU PHƯƠNG AN

3.1. Nâng cao trình độ và nghiệp vụ của nhân viên

Nguồn nhân lực là yếu tố chủ lực quyết định vào sự thành công của doanh nghiệp, công ty nên không ngừng đầu tư vào phát triển nguồn nhân lực. Tổ chức các khóa đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu ngắn hạn giúp nhân viên nâng cao năng lực, hoàn thiện kỹ năng để hoàn thành tốt công việc. Thực hiện các chương trình hỗ trợ nhân viên tiếp cận, học hỏi kinh nghiệm từ các chuyên gia trong lĩnh vực logistics. Tiến hành những đánh giá mức độ hài lòng và kế hoạch phát triển bản thân của nhân viên, từ đó thiết lập các chính sách khen thưởng và khuyến khích nhân viên xuất sắc thúc đẩy động lực làm việc của họ.

Công ty cũng chú trọng đến chính sách thu hút nhân tài mới, tổ chức buổi học ngoại khóa và cung cấp học bổng cho sinh viên xuất sắc ở các trường đại học. Điều này giúp đảm bảo rằng công ty có nguồn nhân lực chất lượng và đáp ứng nhanh chóng với sự phát triển của ngành. Công ty cũng liên tục quảng bá và tuyển dụng thông qua các phương tiện truyền thông, tạo ra cơ hội cho những ứng viên tiềm năng.

3.2. Nâng cao về cơ sở vật chất và chất lượng dịch vụ

Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Phương An cần chú trọng hơn nữa về đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tiên tiến nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ của công ty. Việc này đòi hỏi sự chủ động trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn, công ty cần dự trù một khoản phí sử dụng riêng cho công tác này, đảm bảo số lượng đủ để tối ưu hóa và chủ động hơn trong quy trình giao nhận hàng hóa. Điều này không chỉ giúp tiết kiệm thời gian mà còn nâng cao khả năng cạnh tranh của công ty.

Thêm nữa, một khi đầu tư cơ sở vật chất, cải thiện, tăng cường các phương tiện vận tải của công ty, công ty có thể tận dụng phương tiện vận tải của mình để cung cấp dịch vụ chuyển phát thuê cho các công ty logistics khác, tạo thêm nguồn thu nhập bổ sung. Đây là một trong những chiến lược linh hoạt giúp công ty tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực.

3.3. Tăng cường chiến lược marketing nâng cao mức độ nhận diện của công ty

Hiện nay công ty ít chú trọng đến quảng bá hình ảnh, cũng như tìm kiếm khách hàng mới thông qua các chiến lược marketing. Tuy nhiên, điều này là quan trọng nếu muốn đạt được mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh dịch vụ Xuất Nhập Khẩu Phương An. Kiến nghị công ty thường xuyên có những chính sách marketing để thu hút khách hàng mới, đồng thời tăng độ nhận diện của công ty thông qua các nền tảng truyền thông xã hội. Hơn nữa, trong bối cảnh công nghệ 4.0 hiện nay, sự phát triển của nền tảng mạng xã hội vô cùng rộng lớn và dễ tiếp cận, chi phí đầu tư cho mảng này là không quá lớn nhưng cần thiết. Ngoài ra, công ty có thể lựa chọn tham gia các sự kiện triển lãm, hội trợ để tăng cường giao tiếp trực tiếp với khách hàng.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh nền kinh tế mở, mọi hoạt động giao thương toàn cầu diễn ra vô cùng sôi nổi, nhu cầu liên quan đến các dịch vụ logistics ngày càng tăng cao, chính vì vậy có không ít các công ty cung cấp các dịch vụ logistics ra đời, trong đó có Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ - Xuất Nhập Khẩu Phương An.

Mặc dù chỉ là công ty quy mô vừa và nhỏ, nhưng bằng sự chuyên nghiệp cùng với khả năng điều hành của ban lãnh đạo công ty, sự nghiêm túc và tâm huyết của đội ngũ nhân viên, công ty đã hoàn thành xuất sắc những chỉ tiêu kinh doanh và đang dần khẳng định vị thế của mình trên thị trường.

Trong suốt quá trình nghiên cứu và phân tích về hoạt động kinh doanh của công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ - Xuất Nhập Khẩu Phương An, em đã đi sâu vào tìm hiểu về vai trò, tác động và xu hướng phát triển của lĩnh vực logistics. Bằng cách tiếp cận qua nhiều góc độ khác nhau, đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu qua quy trình hoạt động của công ty, đồng thời đưa ra một số giải pháp giúp công ty cải tiến quy trình dịch vụ thông quan hàng hóa nhập khẩu, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động tại công ty Phương An trong bối cảnh thị trường ngày càng cạnh tranh gay gắt, các doanh nghiệp nói chung và công ty Phương An nói riêng, cần phải nắm rõ và thích nghi với những biến đổi của thị trường.

Qua khóa luận này, em hi vọng sẽ mang đến cái nhìn tổng quan và chi tiết về hoạt động logistics của công ty, đồng thời cung cấp thông tin thật sự hữu ích và phù hợp với định hướng phát triển của công ty trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Lê, C. H. (2012). *Giáo trình Quản trị hậu cần (logistics management)*. Đại học kinh tế quốc dân.

Murphy, P. R., & Knemeyer, A. M. (2018). *Contemporary Logistics*. Pearson.

Ngọc, D. (2023, February 25). *Tăng Trưởng GDP: Kết quả 2022, Kỳ Vọng 2023*. Nhịp sống kinh tế Việt Nam & Thế giới. <https://vneconomy.vn/tang-truong-gdp-ket-qua-2022-ky-vong-2023.htm>

Tcct. (2021, August 26). *Nghiên Cứu tổng Quan VỀ logistics và đề Xuất Các Yếu Tố Tác động*. Tạp chí Công Thương. <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/nghien-cuu-tong-quan-ve-logistics-va-de-xuat-cac-yeu-to-tac-dong-den-su-phat-trien-ben-vung-nganh-logistics-viet-nam-83236.htm>

An Thị Thanh Nhân, Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Thông Thái. (2018). *Giáo trình quản trị logistics kinh doanh*. Hà Nội: NXB Hà Nội.

Vân, G. Đ. (n.d.). *Logistics những vấn đề cơ bản*. Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.

Yến, B. (2023, April 17). Cùng TÌM HIỂU Lịch sử Hình Thành và Phát triển logistic. Ratraco Solutions - Giải pháp vận tải hàng hóa bằng đường sắt. <https://ratracosolutions.com/n/lich-su-hinh-thanh-va-phat-trien-logistic/>

Kinh tế Việt Nam Năm 2022 và Triển Vọng Năm 2023 05/04/2023 16:44:00 2550. Tin bộ tài chính. (n.d.). https://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages_r/l/tin-bo-tai-chinh?dDocName=MOFUCM272369

Baodautu.vn. (n.d.). *Doanh Nghiệp Logistics Cạnh Tranh Giành đơn Hàng*. baodautu. <https://baodautu.vn/doanh-nghiep-logistics-canh-tranh-gianh-don-hang-d204309.html>

Thời báo Tài chính Việt Nam. (n.d.). *Bám định Hướng Hải Quan số để Xây dựng quy trình thủ tục Hải Quan*. <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/bam-dinh-huong-hai-quan-so-de-xay-dung-quy-trinh-thu-tuc-hai-quan-110957-110957.html>

Song Hà. (2023, August 21). *SỐ Hoá Nguồn Nhân Lực Logistics: Đòi Hỏi Hết Sức Cấp Bách*. Nhip sống kinh tế Việt Nam & Thế giới. <https://vneconomy.vn/so-hoa-nguon-nhan-luc-logistics-doi-hoi-het-suc-cap-bach.htm>

Huyền, T. (2023, May 25). *Ngành Hải Quan tích cực ứng dụng công Nghệ Thông Tin, Tạo Thuận Lợi Cho Xuất nhập khẩu*. Tạp chí Tài chính. <https://tapchitaichinh.vn/nganh-hai-quan-tich-cuc-ung-dung-cong-nghe-thong-tin-cao-thuan-loi-cho-xuat-nhap-khau.html>

PHỤ LỤC

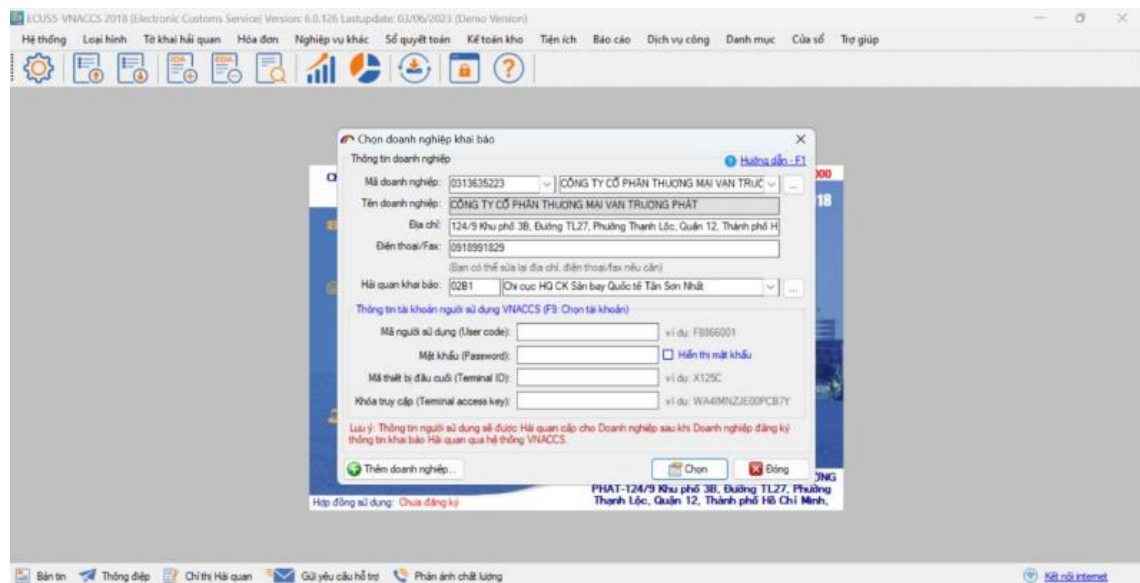
Chi tiết mô phỏng các bước khai báo hải quan điện tử trên phần mềm ECUS5-VNACCS:

Bước 1: Đăng nhập vào hệ thống phần mềm khai báo hải quan điện tử ECUS5-VNACCS:



Hình 1-1: Giao diện phần mềm khai báo hải quan điện tử ECUS5-VNACCS sau khi đăng nhập

Bước 2: Thêm và chọn thông tin doanh nghiệp khai báo:



Hình 2-2: Thêm và chọn thông tin doanh nghiệp khai báo

Bước 3: Đăng kí mới tờ khai nhập khẩu (IDA):



Hình 2-3: Click đăng kí mới tờ khai nhập khẩu (IDA)

Bước 4: Nhập thông tin tờ khai:

ECUSS-VNACCS 2018 (Electronic Customs Service) Version: 6.0.131 Lastupdate: 16/07/2023 (Demo Version) - [Tờ khai nhập khẩu - Import declaration]

Hệ thống Loại hình Tờ khai hải quan Hóa đơn Nghiệp vụ khác Số quyết toán Kế toán kho Tiền ích Bảo cáo Dịch vụ công Danh mục Cửa sổ Trợ giúp

Trạng thái: **Đang thêm mới**
 Phần luồng: Xanh Vàng Đỏ

1. Lấy thông tin tờ khai từ Hải quan (IDB)
 2. Khai trước thông tin tờ khai (IDA)
 3. Khai chính thức tờ khai (IDC)
 4. Lấy kết quả phân luồng, thông quan
 5.1 Lấy thông tin tờ khai để sửa (IDD)
 5.2 Khai trước thông tin tờ khai sửa (IDA01)
 5.3 Khai chính thức tờ khai sửa (IDE)
 5.4 Lấy kết quả phân luồng, thông quan sửa
 6. Xem thông tin tờ khai từ Hải quan (ID)

Hướng dẫn nhập liệu Thông điệp nghiệp vụ
 Mã bưu chính Nhập mã bưu chính của người nhập khẩu (nếu có).

Thông tin chung Thống tin chung 2 Danh sách hàng Chi thị của Hải quan Kết quả xử lý tờ khai Quản lý tờ khai

Mã loại hình: * A12 Nhập kinh doanh sản xuất Mã phân loại hàng hóa: 4
 Cơ quan Hải quan: * 02DS Chi cục HQ Chuyển phát nhanh Mã phân loại cá nhân/tổ chức: * 00
 Ngày khai báo (đủ kiện): Mã bộ phận xử lý tờ khai: * 1
 Thời hạn tái xuất: Mã hiệu phương thức vận chuyển: *

Đơn vị xuất nhập khẩu

Người nhập khẩu
 Mã: 0313635223
 Tên: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VAN TRƯƠNG PHÁT
 Mã bưu chính: +8443
 Địa chỉ: 124/9 Khu phố 3B, Đường TL27, Phường Thanh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Điện thoại: 0918991829

Người ủy thác nhập khẩu
 Mã:
 Tên:
 Mã bưu chính:
 Địa chỉ: * AUF DER HOHL 1 53547 DATTENBERG
 GERMANY
 Mã nước: DE GERMANY

Người xuất khẩu
 Mã:
 Tên: * BAR PNEUMATISCHE STEUERUNGSSYSTEME GMBH
 Mã bưu chính:
 Địa chỉ: * AUF DER HOHL 1 53547 DATTENBERG
 GERMANY
 Mã nước: DE GERMANY

Gửi góp ý...

Hình 2-4: Khai thông tin cơ quan Hải quan và đơn vị xuất nhập khẩu

ECUSS-VNACCS 2018 (Electronic Customs Service) Version: 6.0.131 Lastupdate: 16/07/2023 (Demo Version) - [Tờ khai nhập khẩu - Import declaration]

Hệ thống Loại hình Tờ khai hải quan Hóa đơn Nghiệp vụ khác Số quyết toán Kế toán kho Tiền ích Bảo cáo Dịch vụ công Danh mục Cửa sổ Trợ giúp

Trạng thái: **Đang thêm mới**
 Phần luồng: Xanh Vàng Đỏ

1. Lấy thông tin tờ khai từ Hải quan (IDB)
 2. Khai trước thông tin tờ khai (IDA)
 3. Khai chính thức tờ khai (IDC)
 4. Lấy kết quả phân luồng, thông quan
 5.1 Lấy thông tin tờ khai để sửa (IDD)
 5.2 Khai trước thông tin tờ khai sửa (IDA01)
 5.3 Khai chính thức tờ khai sửa (IDE)
 5.4 Lấy kết quả phân luồng, thông quan sửa
 6. Xem thông tin tờ khai từ Hải quan (ID)

Hướng dẫn nhập liệu Thông điệp nghiệp vụ
 Lưu ý: Thông tin ngày vận đơn sẽ được chuyển vào ô số vận đơn theo định danh (dMMy) để khai báo tờ khai thông hải quan. Ban nhập thông tin Ngày vận đơn, để khai thông tin ngày vận đơn lên cơ quan hải quan từ ban tích vào mục "Khai báo thông tin ngày vận đơn vào trong chi tiết khai tờ khai".

Thông tin chung Thống tin chung 2 Danh sách hàng Chi thị của Hải quan Kết quả xử lý tờ khai Quản lý tờ khai

Van đơn

Khai báo số định danh theo chuẩn quản lý giám sát Hải quan tự động tại Cảng biển.
 Khai báo số định danh theo chuẩn quản lý giám sát Hải quan tự động tại Cảng hàng không

Số vận đơn: 1 771623144641 Ngày vận đơn: 22/03/2023 Số HAWB: Năm MAWB:
 2
 3
 4
 5

[Khai báo thông tin ngày vận đơn trong chi tiết tờ khai](#)

Số lượng kiện: * 1 PK Tổng trọng lượng hàng (Gross): 49/KGM
 Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến: 02DSEA0 KHO FEDEX
 Kỳ hiệu và số hiệu bao bì:

Phương tiện vận chuyển: PH8090/27MAR
 Ngày hàng đến: * 27/03/2023
 Địa điểm dỡ hàng: VN5GN HO CHI MINH
 Địa điểm xếp hàng: * DEKOS KOENIGSTEIN
 Số lượng Container:
 Mã kết quả kiểm tra nội dung:

Gửi góp ý...

Hình 2-5: Khai thông tin mục vận đơn

ECUSS-VNACCS 2018 (Electronic Customs Service) Version: 6.0.131 Lastupdate: 16/07/2023 (Demo Version) - [Tờ khai nhập khẩu - Import declaration]

Hệ thống Loại hình Tờ khai hải quan Hóa đơn Nghiệp vụ khác Số quyết toán Kế toán kho Tiền ích Báo cáo Dịch vụ công Danh mục Cửa số Trợ giúp

Trang thái: Chưa khai báo
Phân luồng: Xanh Vàng Đỏ

1. Lấy thông tin tờ khai từ Hải quan (IDB)
2. Khai trước thông tin tờ khai (IDA)
3. Khai chính thức tờ khai (IDC)
4. Lấy kết quả phân luồng, thông quan
5.1 Lấy thông tin tờ khai để sửa (IDD)
5.2 Khai trước thông tin tờ khai sửa (IDA01)
5.3 Khai chính thức tờ khai sửa (IDE)
5.4 Lấy kết quả phân luồng, thông quan sửa
6. Xem thông tin tờ khai từ Hải quan (ID)

Hướng dẫn nhập liệu Thông điệp nghiệp vụ
Số hợp đồng
Tư vấn bán, chọn loại hình là (Giá nguồn thì)

Thông tin chung Thông tin chung 2 Danh sách hàng Chỉ thị của Hải quan Kết quả xử lý tờ khai Quản lý tờ khai

Số hợp đồng: P0023100-VTP
Ngày hợp đồng: 27/02/2023 Ngày hết hạn: Khai báo thông tin HD theo yêu cầu của Hải quan

Thông tin văn bản và giấy phép
Mã văn bản pháp quy khác: MO
Giấy phép nhập khẩu: 1 2 3 4 5

Hóa đơn thương mại
Phân loại hình thức hóa đơn: * Hóa đơn thương mại
Số tiếp nhận hóa đơn điện tử: Ngày phát hành: 28/03/2023 Mã phân loại giá hóa đơn: * A Tổng trị giá hóa đơn: * 2.170.31
Số hóa đơn: PF23001222
Phương thức thanh toán: * KC
Điều kiện giá hóa đơn: * EXW
Mã đồng tiền của hóa đơn: * EUR

Hình 2-6: Khai thông tin mục thông tin văn bản, giấy phép và hóa đơn thương mại

ECUSS-VNACCS 2018 (Electronic Customs Service) Version: 6.0.131 Lastupdate: 16/07/2023 (Demo Version) - [Tờ khai nhập khẩu - Import declaration]

Hệ thống Loại hình Tờ khai hải quan Hóa đơn Nghiệp vụ khác Số quyết toán Kế toán kho Tiền ích Báo cáo Dịch vụ công Danh mục Cửa số Trợ giúp

Trang thái: Chưa khai báo
Phân luồng: Xanh Vàng Đỏ

1. Lấy thông tin tờ khai từ Hải quan (IDB)
2. Khai trước thông tin tờ khai (IDA)
3. Khai chính thức tờ khai (IDC)
4. Lấy kết quả phân luồng, thông quan
5.1 Lấy thông tin tờ khai để sửa (IDD)
5.2 Khai trước thông tin tờ khai sửa (IDA01)
5.3 Khai chính thức tờ khai sửa (IDE)
5.4 Lấy kết quả phân luồng, thông quan sửa
6. Xem thông tin tờ khai từ Hải quan (ID)

Hướng dẫn nhập liệu Thông điệp nghiệp vụ
Chi tiết khai trị giá
(1) Nhập ngày vận đơn theo định dạng DDMMYYYY.
(2) Nhập vào các chi tiết của tờ khai trị giá.
Ví dụ: khoản phí hoa hồng bằng 5% trị giá hóa đơn thì tính ra số tiền phí hoa hồng, nhập vào ô số tiền điều chỉnh tương ứng, đồng thời ghi "phí hoa hồng bằng 5% trị giá hóa đơn" vào ô này.
(3) Nhập các lưu ý, ghi chú về việc khai báo trị giá.
(4) Nhập theo hướng dẫn tại ô "Tổng trị giá hóa đơn" và các ô có liên quan.

Chi tiết khai trị giá
(1) Nhập ngày vận đơn theo định dạng DDMMYYYY.
(2) Nhập vào các chi tiết của tờ khai trị giá.
Ví dụ: khoản phí hoa hồng bằng 5% trị giá hóa đơn thì tính ra số tiền phí hoa hồng, nhập vào ô số tiền điều chỉnh tương ứng, đồng thời ghi "phí hoa hồng bằng 5% trị giá hóa đơn" vào ô này.
(3) Nhập các lưu ý, ghi chú về việc khai báo trị giá.
(4) Nhập theo hướng dẫn tại ô "Tổng trị giá hóa đơn" và các ô có liên quan.

Chi tiết khai trị giá
(1) Nhập ngày vận đơn theo định dạng DDMMYYYY.
(2) Nhập vào các chi tiết của tờ khai trị giá.
Ví dụ: khoản phí hoa hồng bằng 5% trị giá hóa đơn thì tính ra số tiền phí hoa hồng, nhập vào ô số tiền điều chỉnh tương ứng, đồng thời ghi "phí hoa hồng bằng 5% trị giá hóa đơn" vào ô này.
(3) Nhập các lưu ý, ghi chú về việc khai báo trị giá.
(4) Nhập theo hướng dẫn tại ô "Tổng trị giá hóa đơn" và các ô có liên quan.

Tờ khai trị giá
Mã phân loại khai trị giá: 6 Số tiếp nhận tờ khai trị giá tổng hợp:
Mã tiền tệ:
Các khoản điều chỉnh:
Phí vận chuyển: Mã loại: A Mã tiền: VND Phí VC: 10.447.142
Phí bảo hiểm: Mã loại: D Mã tiền: Phí BH: Số đăng ký:
Mã tiền: Mã phân loại: Mã đồng tiền: Trị giá khoản điều chỉnh: Tổng hệ số phân bổ:
(1) C - AD - EUR 15,9
(2) N - AD - EUR 35
(3) N - AD - EUR 21
(4)
(5)
Chi tiết khai trị giá: PTTT, T/T, Phí packing: 15,9 eur, phí chứng nhận xuất xứ: 35 eur, phí giấy chứng nhận đơn đặt hàng: 21 eur
Tổng hệ số phân bổ trị giá: Người nộp thuế: 1

Thuế và bảo lãnh
Mã lý do để nghị BP:
Mã ngân hàng trả thuế thay:
Năm phát hành hạn mức: Ký hiệu chứng từ hạn mức: Số chứng từ hạn mức:
Mã xác định thời hạn nộp thuế: D Trường hợp nộp thuế ngay
Mã nguồn là được miễn thuế:

Hình 2-7: Khai mục tờ khai giá trị và thuế

